Hướng dẫn sử dụng

Sổ tay sức khỏe trẻ em

Nhân viên y tế và người thân cần phải ghi chép chính xác các mốc thời gian cần thiết. Quyển sổ này dùng để giúp cho việc đảm bảo sức khỏe và sự sinh trưởng phát triển của bé. Sự ghi chép này vô cùng cần thiết cho sức khỏe suốt đời của bé vì đây là thời điểm bắt đầu sự sống của trẻ.

1. Quản lý sức khỏe của bé là việc rất quan trọng cho cả người thân và trẻ.
2. Khi đến trạm y tế hay cơ quan y tế, hãy mang theo quyển sổ này để ghi chép lại việc quản lý sức khỏe, tiêm phòng, kết quả kiểm tra sức khỏe của trẻ.
3. Hãy ghi chép lại cẩn thận sự phát triển của trẻ.
4. Hãy hỏi cơ quan y tế hay trạm y tế về việc sử dụng quyển sổ này.
5. Quyển sổ này cần thiết khi cho trẻ nhập học ở nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, khi du học nước ngoài hay khi di cư. Nếu bảo quản nó suốt đời, nó sẽ trở thành món quà hữu ích cho trẻ.

※ Hãy ghé thăm trang web Yêu Trẻ (www.childcare.go.kr) để gửi ý kiến của bạn về sổ tay và có thể sử dụng dịch vụ tư vấn và tìm kiếm thông tin về mang thai, sinh nở, chăm sóc trẻ.

Họ tên : .....

Số điện thoại : .....

Địa chỉ có thể nhận lại khi bị mất :

.....

.....

Cuốn sổ tay này chứa rất nhiều thông tin quý giá đối với chủ nhân của nó. Vui lòng gửi vào hòm thư gần nhất nếu bạn nhặt được và làm ơn liên lạc với chủ nhân của nó.

목 차

아기가 태어났어요
04 우리 아기 사진
05 표준성장곡선 활용 예시
06 성장기록 (남아)
08 성장기록 (여아)
10 연령별 머리둘레

건강검진 받아요
12 신생아 선별검사 (선천성대사이상, 청각)
13 우리아이 연령별 정기 건강검진
14 영유아 건강검진 검사기록
15 진료기록
16 검사기록
17 입원기록

예방접종 받아요
20 표준 예방접종 일정표
22 표준 예방접종 기록표
28 예방접종의 중요성
29 예방접종 단계별 주의사항
30 안전한 예방접종 바로 알기
33 예방접종 도우미 홈페이지
34 B형간염 주산기감염 예방사업

건치를 만들어요
36 치아발달그림
37 표준시기
39 영유아 구강설명 (9~12개월용)
40 영유아 구강설명 (18~29개월용)
41 영유아 구강설명 (42~53개월용)
42 영유아 구강설명 (54~65개월용)
43 치실 사용 방법

아기를 위한 팁
46 안전한 우리집 만들기
47 영유아돌연사증후군 이란
49 모유 먹이기
50 분유수유
50 건강한 이유식
53 어린이 건강·안전·보육·교육관련 사이트 및 전화번호
54 건강한 가정을 위한 정부 지원

Contents

Trẻ đã được sinh ra
04 Ảnh con của chúng ta
05 Biểu thị bằng biểu đồ đường cong sự trưởng thành tiêu chuẩn
06 Ghi chép sự trưởng thành (Con trai)
08 Ghi chép sự trưởng thành (Con gái)
10 Vòng đầu theo độ tuổi

Kiểm tra sức khỏe của trẻ
12 Khám kiểm tra trẻ sơ sinh (Kiểm tra những dị tật bẩm sinh, thính giác)
13 Khám kiểm tra sức khỏe định kì theo từng độ tuổi
14 Ghi chép việc khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ
15 Ghi chép điều trị
16 Ghi chép khám kiểm tra
17 Ghi chép nhập viện

Tiêm phòng cho trẻ
20 Lịch tiêm phòng đúng tiêu chuẩn
22 Bảng ghi chép việc tiêm phòng đúng tiêu chuẩn
28 Tính cần thiết của tiêm chủng
29 Từng bước cần lưu ý khi tiêm phòng
30 Hiểu biết về tiêm phòng an toàn
33 Trang web giúp đỡ về việc tiêm phòng
34 Chương trình phòng chống lây nhiễm bệnh viêm gan siêu vi B trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh

Để trẻ có răng chắc khỏe
36 Bức tranh sự phát triển răng của trẻ
37 Thời kỳ tiêu chuẩn
39 Giải thích khoang miệng của trẻ (9~12 tháng)
40 Giải thích khoang miệng của trẻ (18~29 tháng)
41 Giải thích khoang miệng của trẻ (42~53 tháng)
42 Giải thích khoang miệng của trẻ (54~65 tháng)
43 Phương pháp sử dụng chỉ nha khoa

Cẩm nang dành cho trẻ
46 Hãy tạo nên một ngôi nhà an toàn
47 Thế nào là hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ
49 Cho trẻ bú sữa mẹ
50 Sữa công thức
50 Ăn dặm lành mạnh
53 Số điện thoại và trang web liên quan đến việc chăm sóc an toàn sức khỏe cho trẻ
54 Hỗ trợ của chính phủ vì một gia đình khỏe mạnh

우리 아기 태어난 날

성명		성별	남 ■ 여 ■
생년월일	20 년 월 일 시 분		
태어난곳			
주소			
전화번호			
임신기간	주 일		
분만방법	·자연분만 ■ ·제왕절개 ■ ·기타 ■		
계측	·몸무게 kg ·키 cm ·머리둘레 cm		

우리 아이 사진을 붙여주세요.

Ngày con của chúng ta ra đời

Họ và tên		Giới tính	Nam ■ Nữ ■
Ngày sinh	giờ phút ngày tháng năm		
Nơi sinh			
Địa chỉ			
Số điện thoại liên lạc			
Thời gian mang thai	Tuần ngày		
Phương pháp sinh con	· Sinh tự nhiên ■ · Mổ đẻ ■ · Khác ■		
Các thông số	· Cân nặng kg · Chiều cao cm · Vòng đầu cm		

Hãy dán ảnh của bé vào

아기가 태어났어요

04 우리 아기 사진
05 표준성장곡선 활용 예시
06 성장기록 (남아)
08 성장기록 (여아)
10 연령별 머리둘레

Trẻ đã được sinh ra

04 Ảnh con của chúng ta
05 Biểu thị bằng biểu đồ đường cong sự trưởng thành tiêu chuẩn
06 Ghi chép sự trưởng thành (Con trai)
08 Ghi chép sự trưởng thành (Con gái)
10 Vòng đầu theo độ tuổi

우리 아기 사진

생후 일 (20 년 월 일) / 우리 아기 날

예쁜 아기사진을 붙이거나
오랫동안 기억하고 싶은 것을 기록해주세요.

MEMO

Ảnh con của chúng ta

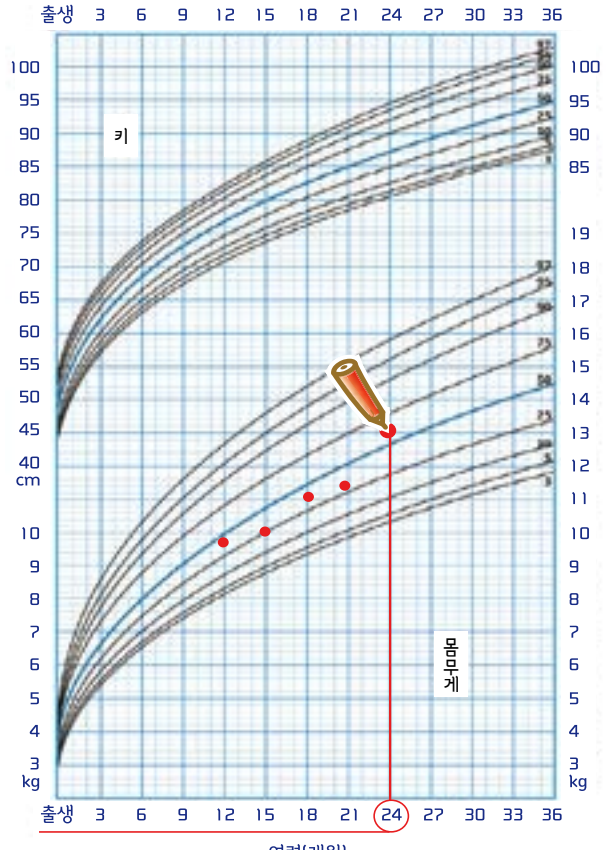
Sau khi sinh ngày (Ngày tháng năm) / Em bé được ngày

Hãy dán bức ảnh thật dễ thương của bé.
Hãy ghi những điều mà bạn mong muốn sẽ nhớ lâu.

MEMO

표준성장곡선 활용 예시

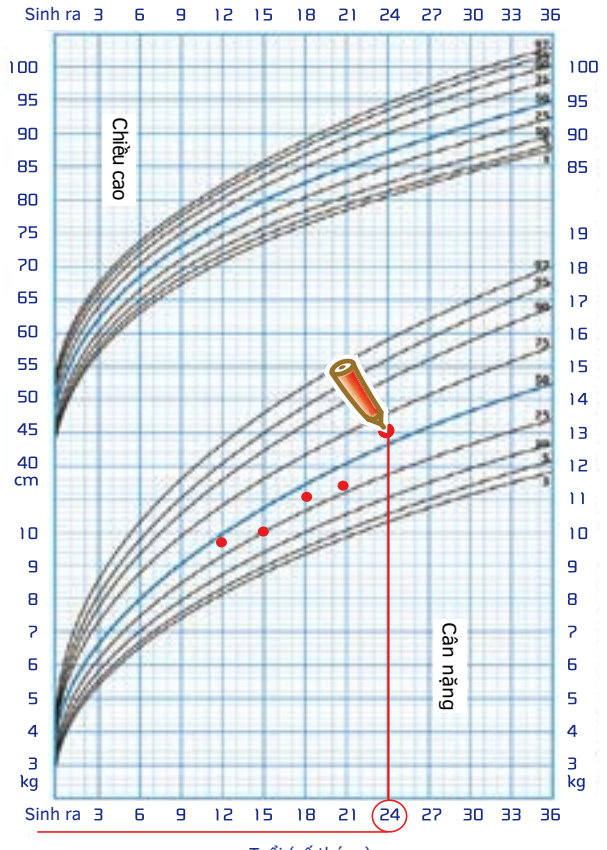
*예시) 생후 24개월 13kg인 아이



- 도표 아래의 해당 연령 (24개월)을 찾습니다.
- 도표 우측에 해당 몸무게 (13kg)를 찾습니다.
- 연령에 해당하는 몸무게 및 키를 찾아서 표시합니다.
- 연령에 따라 계속해서 표시를 하면 우리아이 성장상태를 알 수 있습니다.
- 곡선의 의미: 100명의 아이를 키, 몸무게별로 제일 작은 아이부터 3, 5, 10, 25, 50, 75, 90, 95, 97번째인 아이의 성장을 그린 곡선입니다. 제일 아래 곡선이 가장 작은 아이의 성장곡선이고 위로 갈수록 큰 아이의 성장곡선입니다.

Biểu thị bằng biểu đồ đường cong sự trưởng thành tiêu chuẩn

*Ví dụ) Em bé nặng 13kg sau khi sinh 24 tháng



- Tìm số tuổi tương đương (24 tháng) trên biểu đồ dưới đây.
- Sau đó tìm số cân nặng tương đương (13 kg) ở cột bên phải.
- Sau khi tìm được số cân nặng và chiều cao tương ứng với tuổi thì bạn hãy ghi lại.
- Khi bạn ghi liên tục như vậy thì chúng ta sẽ có biểu đồ trạng thái trưởng thành của trẻ theo độ tuổi.
- Ý nghĩa đường cong: Là đường cong thể hiện sự tăng trưởng của 100 trẻ nhỏ bắt đầu từ trẻ có chiều cao, cân nặng thấp nhất theo số thứ tự 3, 5, 10, 25, 50, 75, 90, 95, 97. Đường cong phía dưới cùng là đường cong thể hiện sự tăng trưởng của trẻ nhỏ nhất, và đường cong phía trên là đường cong thể hiện sự tăng trưởng của trẻ lớn nhất.

성장기록 (남아)

출생 시 ~ 35개월

년월일	월령	몸무게 (kg)	키 (cm)	머리둘레 (cm)	특이사항

MEMO

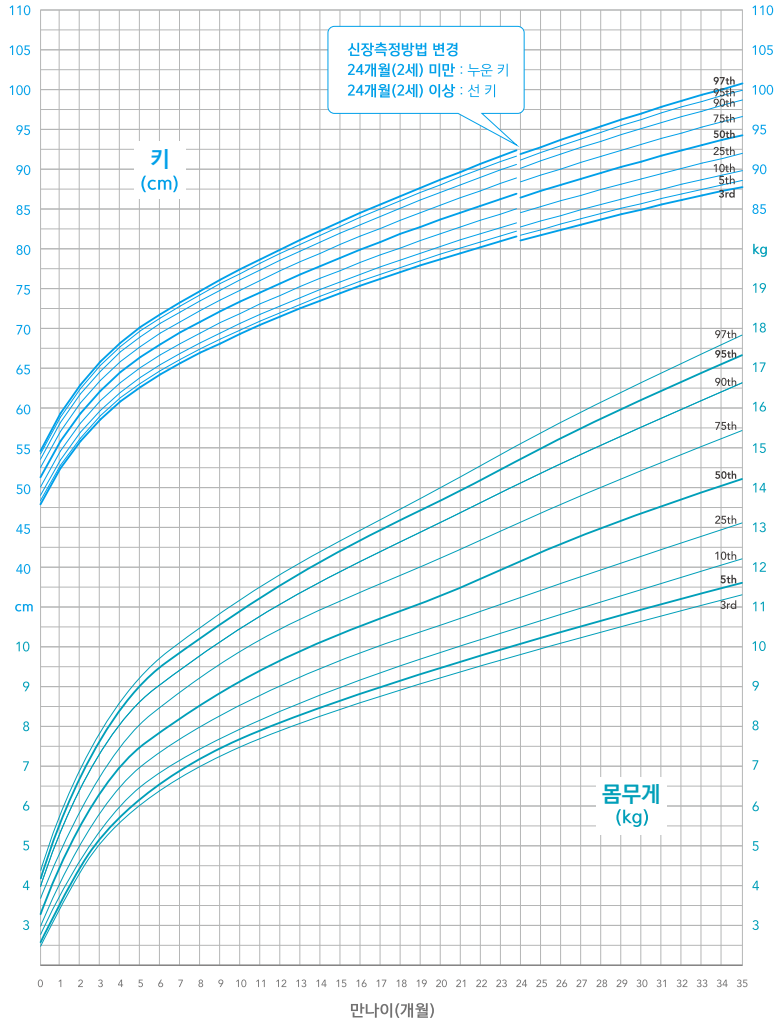
Ghi chép sự trưởng thành (Con trai)

Từ lúc sinh ra ~ 35 tháng tuổi

Ngày, tháng, năm	Số tuổi	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	Vòng đầu (cm)	Ghi chú đặc biệt

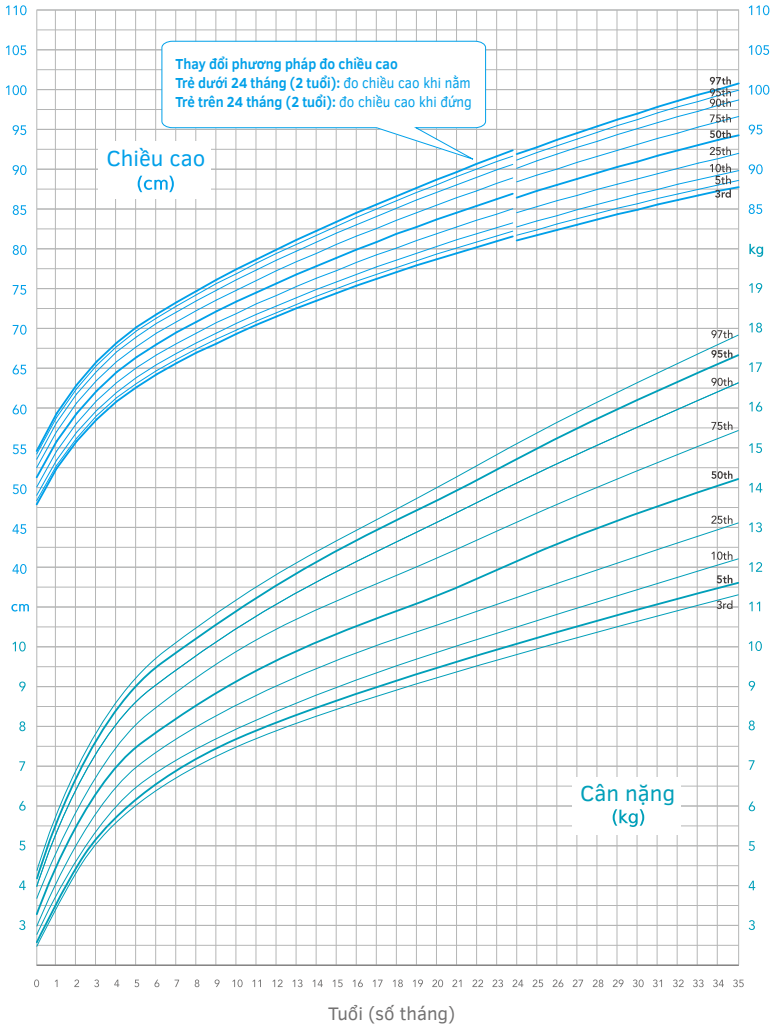
MEMO

2017년 개정



※ 임신 37주~42주 사이에 분만한 아이 기준, 그 외의 경우 의사와 상담 하에 적용, 영유아 건강검진을 통한 꾸준한 체크 필요

Sửa đổi năm 2017



※ Theo tiêu chuẩn của trẻ được sinh ra ở tuần thứ 37~42 của thai kỳ, những trường hợp khác cần tư vấn với bác sĩ, ngoài ra cần kiểm tra thường xuyên thông qua kiểm tra sức khỏe cho trẻ nhỏ.

성장기록 (여아)

출생 시 ~ 35개월

년월일	월령	몸무게 (kg)	키 (cm)	머리둘레 (cm)	특이사항

MEMO

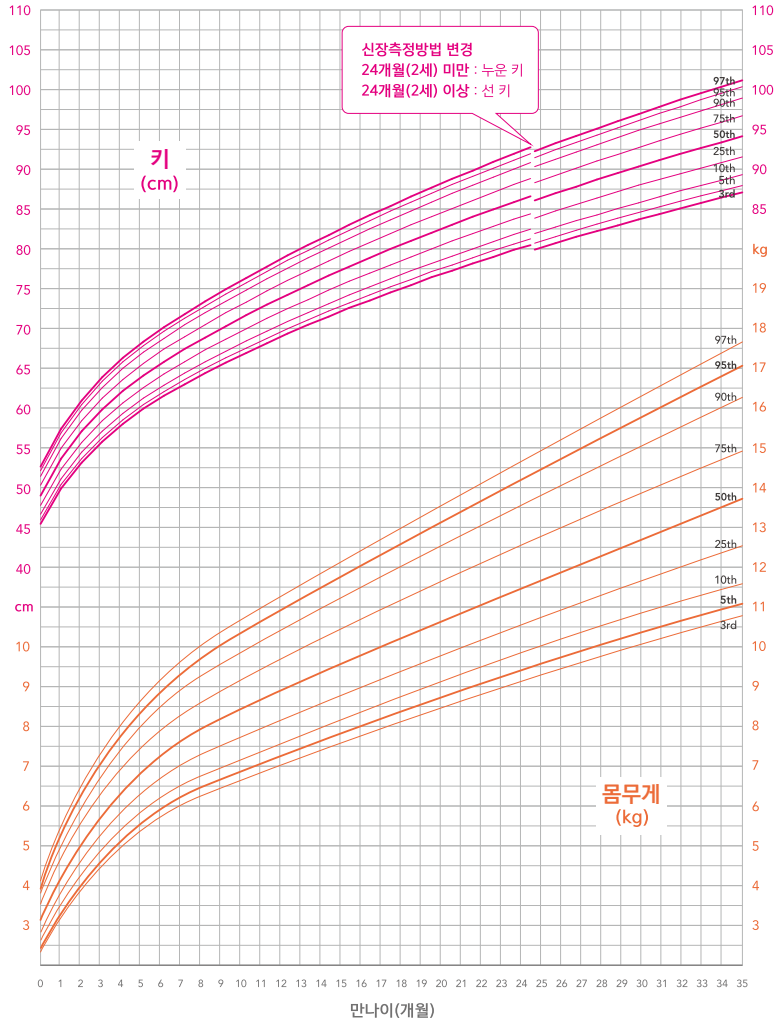
Ghi chép sự trưởng thành (Con gái)

Từ lúc sinh ra ~ 35 tháng tuổi

Ngày, tháng, năm	Số tuổi	Cân nặng (kg)	Chiều cao (cm)	Vòng đầu (cm)	Ghi chú đặc biệt

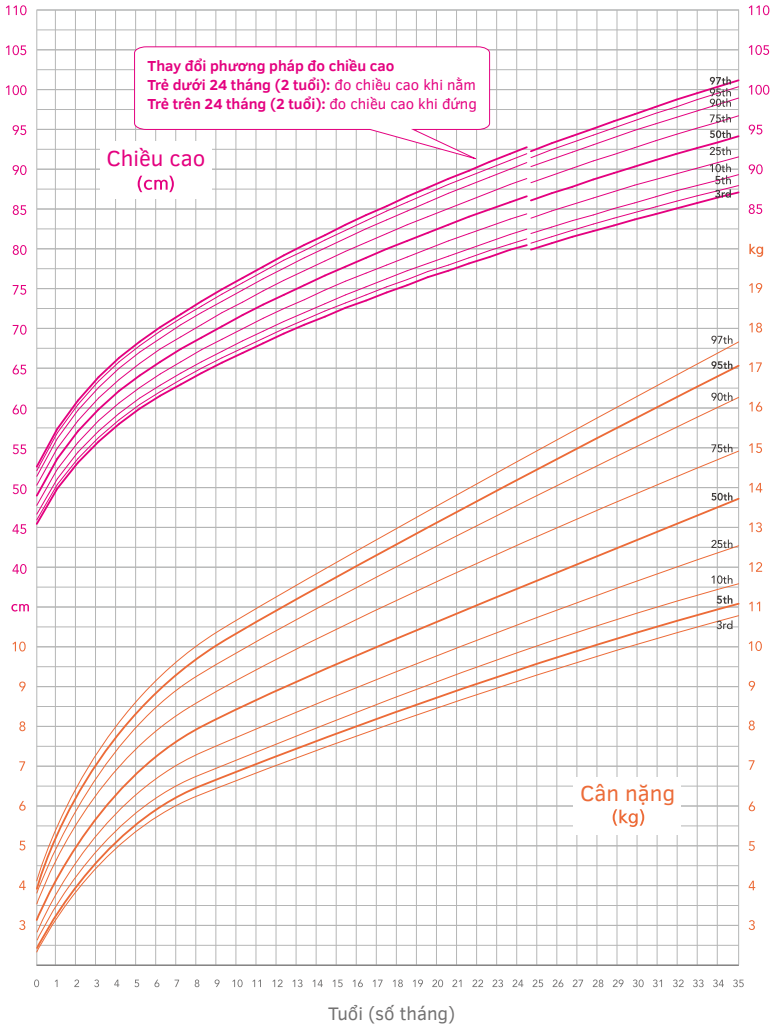
MEMO

2017년 개정



※ 임신 37주~42주 사이에 분만한 아이 기준, 그 외의 경우 의사와 상담 하에 적용, 영유아 건강검진을 통한 꾸준한 체크 필요

Sửa đổi năm 2017

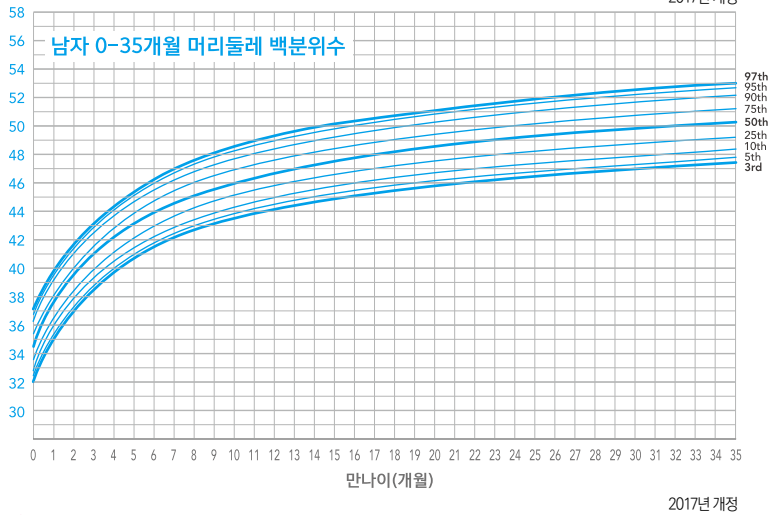


※ Theo tiêu chuẩn của trẻ được sinh ra ở tuần thứ 37~42 của thai kỳ, những trường hợp khác cần tư vấn với bác sĩ, ngoài ra cần kiểm tra thường xuyên thông qua kiểm tra sức khỏe cho trẻ nhỏ.

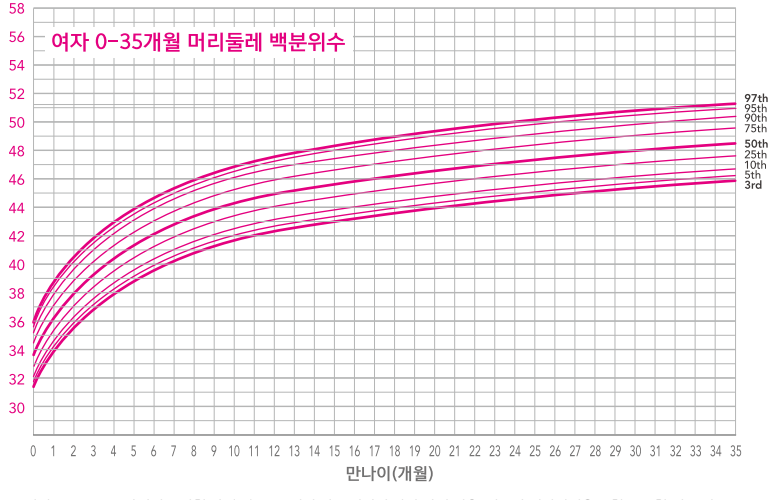
연령별 머리둘레

두위 (머리둘레/cm)

2017년 개정



2017년 개정

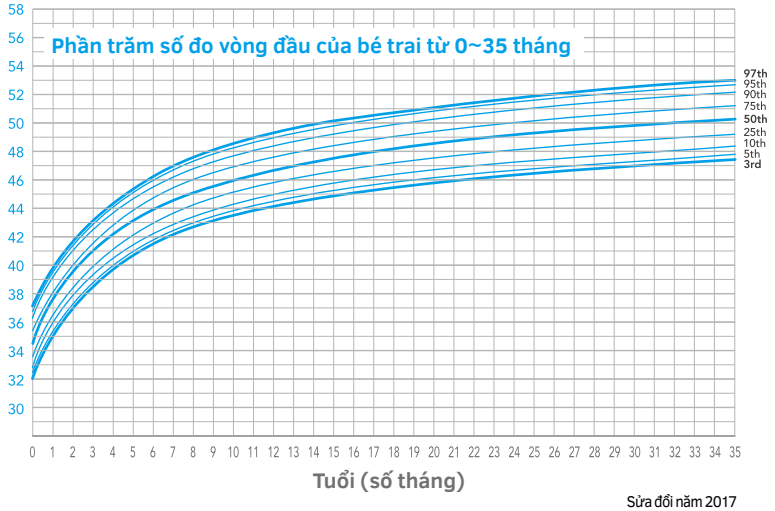


※ 임신 37주~42주 사이에 분만한 아이 기준, 그 외의 경우 의사와 상담 하에 적용, 영유아 건강검진을 통한 꾸준한 체크 필요

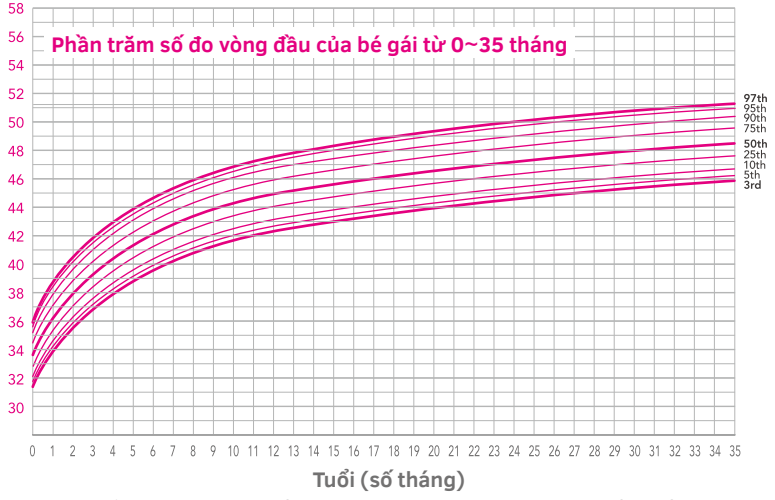
Vòng đầu theo độ tuổi

Vòng đầu (cm)

Sửa đổi năm 2017



Sửa đổi năm 2017



※ Theo tiêu chuẩn của trẻ được sinh ra ở tuần thứ 37~42 của thai kỳ, những trường hợp khác cần tư vấn với bác sĩ, ngoài ra cần kiểm tra thường xuyên thông qua kiểm tra sức khỏe cho trẻ nhỏ.

건강검진 받아요

12 신생아 선별검사 (선천성대사이상, 청각)
13 우리아이 연령별 정기 건강검진
14 영유아 건강검진 검사기록
15 진료기록
16 검사기록
17 입원기록

Kiểm tra sức khỏe của trẻ

12 Khám kiểm tra trẻ sơ sinh (Kiểm tra những dị tật bẩm sinh, thính giác)
13 Khám kiểm tra sức khỏe định kì theo từng độ tuổi
14 Ghi chép việc khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ
15 Ghi chép điều trị
16 Ghi chép khám kiểm tra
17 Ghi chép nhập viện

신생아 선별검사 선천성대사이상, 청각

구분	시기	검진기관	검진일자	결과
미숙아·선청성 대사이상아 의료비 지원	생후 2~6일			■ 정상 ■ 재검
선천성 난청선별검사	생후~1개월			왼 쪽 ■ 정상 ■ 재검 오른쪽 ■ 정상 ■ 재검

★ 미숙아·선청성대사이상아 의료비 지원

- **검사 목적** : 미숙아 및 선천성이상아에 대한 의료비 지원으로 환아가정의 경제적 부담을 완화하고 미숙아 등 고위험 신생아의 건강한 성장 발달 도모
- **지원 대상** : 기준 중위소득 180% 이하 가구에서 출생한 미숙아 및 선천성이상아
- **신청 방법** : 관할 보건소에 신청

★ 선천성 난청선별검사

- **지원 내용** : 신생아 청각선별검사비 외래검사 시 본인부담금 지원
  청각 선별검사 결과 재검으로 판정된 경우 난청확진검사비 지원
- **지원 대상** : 기준 중위소득 180% 이하 가구
- **신청 방법** : 관할 보건소에 신청

※ 출생 후 2~3일 이내(분만 후 퇴원 전)에 실시 권장

Khám kiểm tra trẻ sơ sinh
Kiểm tra những dị tật bẩm sinh, thính giác

Phân loại	Thời kỳ	Cơ quan khám kiểm tra	Ngày khám	Kết quả
Hỗ trợ phí điều trị cho trẻ sinh non-Trẻ rối loạn chuyển hóa bẩm sinh	Sau khi sinh từ 2~6 ngày			■ Tốt ■ Khám lại
Sàng lọc khiếm thính bẩm sinh	Sau khi sinh từ ~1 tháng tuổi			Tai trái ■ Tốt ■ Khám lại Tai phải ■ Tốt ■ Khám lại

★ Hỗ trợ phí điều trị cho trẻ sinh non-Trẻ rối loạn chuyển hóa bẩm sinh

- Mục đích kiểm tra: Để giảm bớt gánh nặng kinh tế của gia đình bệnh nhi và thúc đẩy sự phát triển khỏe mạnh của trẻ sơ sinh có nguy cơ cao như sinh non bằng cách cung cấp chi phí y tế cho trẻ sinh non và trẻ rối loạn chuyển hóa bẩm sinh.
- Đối tượng hỗ trợ: Trẻ sinh non và trẻ rối loạn chuyển hóa bẩm sinh được sinh ra trong các hộ gia đình có thu nhập dưới 180% thu nhập trung bình tiêu chuẩn
- Phương pháp đăng ký: Đăng ký tại trung tâm y tế công cộng của địa phương bạn sinh sống

★ Sàng lọc khiếm thính bẩm sinh

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đồng thanh toán khám ngoại trú cho phí sàng lọc thính giác sơ sinh
Hỗ trợ phí kiểm tra xác nhận khiếm thính trong trường hợp được đoán định cần tái kiểm tra kết quả sàng lọc thính giác
- Đối tượng hỗ trợ: Các hộ gia đình có thu nhập dưới 180% thu nhập trung bình tiêu chuẩn
- Phương pháp đăng ký: Đăng ký tại trung tâm y tế công cộng của địa phương bạn sinh sống

※ Sau khi sinh từ 2~3 ngày nên cho trẻ đi khám (Sau khi sinh hoặc trước khi xuất viện)

우리아이 연령별 정기 건강검진

★ 영유아 건강검진

모든 영유아가 건강하게 성장할 수 있도록 지원하기 위하여 성장과 발달에 있어 중요한 시기에 필수적인 검사와 교육을 실시하고 있습니다.

검진 항목	검진항목	목표질환	1차 검진 (4~6개월)	2차 검진 (9~12개월)	3차 검진 (18~24개월)	4차 검진 (30~36개월)	5차 검진 (42~48개월)	6차 검진 (54~60개월)	7차 검진 (66~71개월)
문진 및 진찰	손전등 검사	시각이상 (사시)	●	●	●	●	●	●	●
	시각 문진		●	●	●	●	●	●	●
	시력 검사	굴절이상 (약시)					●	●	●
	청각 문진	청각이상	●	●	●	●	●		
신체 계측	키	성장이상	●	●	●	●	●	●	●
	몸무게		●	●	●	●	●	●	●
	머리둘레		●	●	●	●	●	●	●
	체질량지수	비만				●	●	●	●
발달평가 및 상담		발달이상		●	●	●	●	●	●
건강 교육 및 상담	안전사고예방	안전사고예방	●	●	●	●	●	●	●
	영양 문진	영양결핍 (과잉)	●	●	●	●	●	●	●
	영아 돌연사 증후군 예방	영아 돌연사 증후군	●						
	구강 문진	치아발육 상태		●					
	대소변가리기	대소변가리기			●				
	전자미디어 노출	전자미디어 노출				●			
	정서 및 사회성	사회성 발달					●		
	개인위생	개인위생						●	
	취학 전 준비	취학 전 준비							●
구강 검진	진찰 및 상담	치아우식증			●		●	●	
	치아검사								
	기타 검사 및 문진								
	구강보건교육 (보호자 및 유아)								

※ 1차 검진 (18~29개월), 2차 검진 (42~63개월), 3차 검진 (54~66개월)
※ 기타 검사 및 문진 : 기타 부위 검사와 구강위생검사

※ 위 영유아 건강검진은 보육시설 등의 건강진단으로 갈음 받을 수 있습니다.

Khám kiểm tra sức khỏe định kì theo từng độ tuổi

★ Khám kiểm tra sức khỏe của trẻ

Để cho tất cả trẻ em lớn lên đều khỏe mạnh thì chúng ta cần phải thực hiện việc khám kiểm tra định kỳ và giáo dục vào những thời kỳ phát triển quan trọng.

Hạng mục kiểm tra	Hạng mục kiểm tra	Mục tiêu chữa bệnh	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 1 (4~6 tháng tuổi)	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 2 (9~12 tháng tuổi)	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 3 (18~24 tháng tuổi)	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 4 (30~36 tháng tuổi)	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 5 (42~48 tháng tuổi)	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 6 (54~60 tháng tuổi)	Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 7 (66~71 tháng tuổi)
Khám bệnh và chẩn đoán	Kiểm tra bằng đèn pin	Thị giác bất bình thường (lác mắt)	●	●	●	●	●	●	●
	Hỏi khám thị giác		●	●	●	●	●	●	●
	Kiểm tra thị lực	Khúc xạ của mắt bất bình thường (mắt yếu)					●	●	●
	Hỏi khám thính giác	Thính giác bất bình thường	●	●	●	●	●		
Chỉ số cơ thể	Chiều cao	Tăng trưởng bất thường	●	●	●	●	●	●	●
	Cân nặng		●	●	●	●	●	●	●
	Vòng đầu		●	●	●	●	●	●	●
	Chỉ số khối cơ thể	Béo phì				●	●	●	●
Đánh giá sự phát triển và tư vấn		Phát triển không bình thường		●	●	●	●	●	●
Giáo dục sức khỏe và tư vấn	Phòng ngừa tai nạn	Phòng ngừa tai nạn	●	●	●	●	●	●	●
	Hỏi khám về dinh dưỡng	Thiếu dinh dưỡng (thừa dinh dưỡng)	●	●	●	●	●	●	●
	Phòng ngừa hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh	Hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh	●						
	Kiểm tra răng miệng	Tình trạng phát triển của hàm răng		●					
	Phân biệt đại tiện và tiểu tiện	Phân biệt đại tiện và tiểu tiện			●				
	Tiếp xúc với phương tiện truyền thông điện tử	Tiếp xúc với phương tiện truyền thông điện tử				●			
	Tình cảm và tính xã hội	Phát triển tính xã hội					●		
	Vệ sinh cá nhân	Vệ sinh cá nhân						●	
	Chuẩn bị trước khi nhập học	Chuẩn bị trước khi nhập học							●
Kiểm tra răng miệng	Khám bệnh và tư vấn	Sâu răng			●		●	●	
	Kiểm tra răng								
	Các loại kiểm tra khác và hỏi khám								
	Giáo dục vệ sinh răng miệng (người giám hộ và trẻ nhỏ)								

※ Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 1 (18~29 tháng tuổi), Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 2 (42~63 tháng tuổi), Kiểm tra sức khỏe giai đoạn 3 (54 ~66 tháng tuổi)
※ Các loại kiểm tra và hỏi khám khác: kiểm tra các bộ phận khác và kiểm tra vệ sinh răng miệng.

※ Việc khám kiểm tra sức khỏe cho trẻ nhỏ trên đây có thể được thay thế cho việc khám sức khỏe ở các cơ sở y tế

영유아 건강검진 검사기록

★ 생후 4개월부터 6세 미만의(71개월 까지) 영유아가 받을 수 있습니다.

검진기간을 확인하시고 가까운 영유아검진기관을 방문하시어 검진을 받으시기 바랍니다.

건강검진 시기	검진기관	검진일자	결과	상담내용	다음검진일자
1차 4~6개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
2차 9~12개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
3차 18~24개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
4차 30~36개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
5차 42~48개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
6차 54~60개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
7차 66~71개월			■ 양호 ■ 주의 ■ 정밀평가필요		
구강검진 시기	**검진기관**	**검진일자**	**결과**	**상담내용**	
3차 18~29개월			■ 정상A ■ 정상B ■ 주의 ■ 치료필요		
5차 42~53개월			■ 정상A ■ 정상B ■ 주의 ■ 치료필요		
6차 54~65개월			■ 정상A ■ 정상B ■ 주의 ■ 치료필요		

※ 전문 의료기관 의뢰체계 (예시)

신체계측 이상 시 소아청소년과 전문의 진료 / 시각 이상 소견 시 안과로 진료 의뢰 / 청각 이상 소견 시 이비인후과로 진료 의뢰 / 발달 선별 검사 결과 이상 시 소아 신경, 소아재활, 소아정신 등 발달 전문 의료기관으로 의뢰

Ghi chép việc khám, kiểm tra sức khỏe cho trẻ

★ Trẻ sơ sinh có thể được khám và kiểm tra sau khi sinh từ 4 tháng tuổi đến 6 tuổi(71 tháng).

Hãy kiểm tra thời gian kiểm tra và đưa trẻ để trung tâm kiểm tra sức khỏe trẻ em gần nhất để khám và kiểm tra.

Kiểm tra sức khỏe Thời kỳ	Cơ quan khám kiểm tra	Ngày khám	kết quả	Nội dung tư vấn	Ngày khám tiếp theo
Giai đoạn 1 Từ 4~6 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Giai đoạn 2 Từ 9~12 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Giai đoạn 3 Từ 18~24 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Giai đoạn 4 Từ 30~36 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Giai đoạn 5 Từ 42~48 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Giai đoạn 6 Từ 54~60 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Giai đoạn 7 Từ 66~71 tháng			■ Tốt ■ Cần chú ý ■ Cần kiểm tra chi tiết		
Thời gian khám răng miệng	**Cơ quan khám kiểm tra**	**Ngày khám**	**kết quả**	**Nội dung tư vấn**	
Giai đoạn 3 Từ 18~29 tháng			■ Bình thường A ■ Bình thường B ■ Cần chú ý ■ Cần được điều trị		
Giai đoạn 5 Từ 42~53 tháng			■ Bình thường A ■ Bình thường B ■ Cần chú ý ■ Cần được điều trị		
Giai đoạn 6 Từ 54~65 tháng			■ Bình thường A ■ Bình thường B ■ Cần chú ý ■ Cần được điều trị		

※ Hệ thống chữa bệnh của các cơ quan chuyên khoa y tế (Thí dụ)

khi số đo cơ thể của thanh thiếu niên có dấu hiệu lạ, cần trị liệu chuyên khoa / khi có dấu hiệu lạ về thị giác, cần trị liệu tại khoa mắt / khi có dấu hiệu lạ về thính giác cần trị liệu tại khoa tai mũi họng / khi kết quả phát triển có dấu hiệu khác thường, cần phải đến các cơ quan y tế chuyên khoa như khoa thần kinh trẻ em, phục hồi sức khỏe trẻ em, khoa tâm lý trẻ em.

진료기록

진료일	의료기관	진료내용

Ghi chép điều trị

Ngày khám	Cơ quan y tế	Nội dung khám

검사기록

검사일	의료기관	검사내용

Ghi chép khám kiểm tra

Ngày khám	Cơ quan y tế	Nội dung khám

입원기록

입원일	의료기관	병명 및 기타사항

Ghi chép nhập viện

Ngày nhập viện	Cơ quan y tế	Tên bệnh và các ký lục khác

예방접종 받아요

20 표준 예방접종 일정표
22 표준 예방접종 기록표
28 예방접종의 중요성
29 예방접종 단계별 주의사항
30 안전한 예방접종 바로 알기
33 예방접종 도우미 홈페이지
34 B형간염 주산기감염 예방사업

Tiêm phòng cho trẻ

20 Lịch tiêm phòng đúng tiêu chuẩn
22 Bảng ghi chép việc tiêm phòng đúng tiêu chuẩn
28 Tính cần thiết của tiêm chủng
29 Từng bước cần lưu ý khi tiêm phòng
30 Hiểu biết về tiêm phòng an toàn
33 Trang web giúp đỡ về việc tiêm phòng
34 Chương trình phòng chống lây nhiễm bệnh viêm gan siêu vi B trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh

표준 예방접종 일정표

질병관리본부

	대상 감염병	백신종류 및 방법	횟수	출생~1개월이내	1개월	2개월	4개월	6개월
국가예방접종	결핵	BCG(피내용)	1	1회				
	B형간염	HepB	3	1차	2차			3차
	디프테리아 파상풍 백일해	DTaP	5			1차	2차	3차
		Tdap	1					
	폴리오 (소아마비)	IPV	4			1차	2차	3차
	b형헤모필루스 인플루엔자 (뇌수막염)	Hib	4			1차	2차	3차
	폐렴구균	PCV	4			1차	2차	3차
		PPSV	-					
	홍역 유행성이하선염 풍진	MMR	2					
	수두	VAR	1					
	A형간염	HepA	2					
	일본뇌염	IJEV(불활성화 백신)	5					
		LJEV(약독화 생백신)	2					
	사람유두종 바이러스 감염증 (자궁경부암)	HPV	2					
	인플루엔자	IIV	-					매년접종
기타예방접종	결핵	BCG(경피용)	1	1회				
	로타바이러스 감염증	RV1	2			1차	2차	
		RV5	3			1차	2차	3차

12개월	15개월	18개월	19~23개월	24~35개월	만4세	만6세	만11세	만12세
	4차				5차			
							6차	
3차					4차			
4차								
4차								
				고위험군에 한하여 접종				
1차					2차			
1회								
1~2차								
1~2차				3차		4차		5차
1차				2차				
								1~2차
매년접종								

* 국가예방접종

국가에서 권장하는 예방접종(국가는 감염병의 예방 및 관리에 관한 법률을 통해 예방접종 대상 감염병과 예방접종의 실시기준 및 방법을 정하고, 이를 근거로 재원을 마련하여 지원하고 있음

* 기타예방접종

예방접종 대상 감염병 및 지정감염병 이외 감염병으로 민간 의료기관에서 접종 가능한 유료 예방접종

Lịch tiêm phòng đúng tiêu chuẩn

질병관리본부

	Tên bệnh truyền nhiễm	Các loại vắc xin và phương pháp	Số lần	Sinh ra ~ trong vòng 1 tháng	1 tháng	2 tháng	4 tháng	6 tháng
Tiêm phòng theo quy định nhà nước	Bệnh lao	BCG (Chủng)	1	1 lần				
	Bệnh Viêm gan B	HepB	3	Lần 1	Lần 2			Lần 3
	Bệnh bạch hầu Bệnh uốn ván Bệnh ho gà	DTaP	5			Lần 1	Lần 2	Lần 3
		Tdap	1					
	Bại liệt	IPV	4			Lần 1	Lần 2	Lần 3
	Khuẩn Haemophilus Influenzae loại b (Viêm màng não)	Hib	4			Lần 1	Lần 2	Lần 3
	Phế cầu khuẩn viêm phổi	PCV	4			Lần 1	Lần 2	Lần 3
		PPSV	-					
	Bệnh sởi Bệnh sởi Đức Bệnh quai bị	MMR	2					
	Bệnh thủy đậu	VAR	1					
	Viêm gan A	HepA	2					
	Bệnh viêm não Nhật Bản	IJEV (Vắc xin bất hoạt)	5					
		LJEV (Vắc xin sống giảm động lực)	2					
	Nhiễm vi rút sinh u nhú cho người (Ung thư cổ tử cung)	HPV	2					
	Bệnh cúm	IIV	-					Tiêm chủng hàng năm
Các loại tiêm phòng khác	Bệnh lao	BCG (Tiêm)	1	1 lần				
	Nhiễm vi rút Rota	RV1	2			Lần 1	Lần 2	
		RV5	3			Lần 1	Lần 2	3-я

12 tháng	15 tháng	18 tháng	19-23 tháng	24-35 tháng	4 tuổi	6 tuổi	11 tuổi	12 tuổi
	Lần 4				Lần 5			
							Lần 6	
Lần 3					Lần 4			
Lần 4								
Lần 4								
				Tiêm chủng cho những bệnh có nguy cơ nguy hiểm cao				
Lần 1					Lần 2			
1 lần								
Lần 1~lần 2								
Lần 1~lần 2				Lần 3		Lần 4		Lần 5
Lần 1				Lần 2				
								Lần 1~lần 2
Tiêm chủng hàng năm								

✻ Tiêm phòng theo quy định nhà nước

Bệnh bắt buộc phải tiêm phòng theo qui định Nhà nước (thông qua luật quy định quản lý và dự phòng bệnh truyền nhiễm, nhà nước quyết định loại bệnh lây nhiễm cần tiêm phòng, tiêu chuẩn và phương pháp thực hiện tiêm phòng, và dựa trên cơ sở đó để chuẩn bị và hỗ trợ nguồn tài chính)

✻ Các loại tiêm phòng khác.

Những bệnh truyền nhiễm nằm ngoài bệnh truyền nhiễm được chỉ định và bệnh truyền nhiễm thuộc đối tượng tiêm chủng quốc gia thì có thể tiêm mất phí ở các cơ sở y tế tư nhân.

표준 예방접종 기록표 국가예방접종

백신 종류	1차	비고
결핵 BCG (피내용/경피용)	예정일: 1개월 이내	* 피내용(국가) * 경피용(기타)
	접종일	
	접종기관명	

백신 종류	1차	2차	3차
B형간염 HepB	예정일: 1개월 이내	예정일: 1개월	예정일: 6개월
	접종일	접종일	접종일
	접종기관명	접종기관명	접종기관명

백신 종류	1차	2차
디프테리아, 파상풍, 백일해 DTap Tdap	예정일: 2개월	예정일: 4개월
	접종일	접종일
	접종기관명	접종기관명
폴리오 IPV	예정일: 2개월	예정일: 4개월
	접종일	접종일
	접종기관명	접종기관명
뇌수막염 Hib	예정일: 2개월	예정일: 4개월
	접종일	접종일
	접종기관명	접종기관명
폐렴구균 PCV	예정일: 2개월	예정일: 4개월
	접종일	접종일
	접종기관명	접종기관명

3차	4차	5차	6차
예정일: 6개월	예정일: 15~18개월	예정일: 만4~6세	예정일: 만11~12세
접종일	접종일	접종일	접종일
접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명
예정일: 6~18개월	예정일: 만4~6세		
접종일	접종일		
접종기관명	접종기관명		
예정일: 6개월	예정일: 12~15개월		
접종일	접종일		
접종기관명	접종기관명		
예정일: 6개월	예정일: 12~15개월		
접종일	접종일		
접종기관명	접종기관명		

Bảng ghi chép việc tiêm phòng đúng tiêu chuẩn

Những bệnh bắt buộc phải tiêm phòng

Chủng loại vắc xin	Lần 1	Ghi chú
Bệnh lao BCG (Tiêm trong da/Tiêm dưới da)	Ngày dự kiến: Trong vòng 1 tháng	* Tiêm phòng bệnh lao (bắt buộc) *Thấm qua da (Khác)
	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	

Вид вакцины	Lần 1	Lần 2	Lần 3
Viêm gan B HepB	Ngày dự kiến: Trong vòng 1 tháng	Ngày dự kiến: 1 tháng	Ngày dự kiến: 6 tháng
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng

Chủng loại vắc xin	Lần 1	Lần 2
Khuẩn Diphtheria, uốn ván, ho gà DTap Tdap	Ngày dự kiến: 2 tháng	Ngày dự kiến: 4 tháng
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng
Bệnh bại liệt IPV	Ngày dự kiến: 2 tháng	Ngày dự kiến: 4 tháng
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng
Viêm màng não Hib	Ngày dự kiến: 2 tháng	Ngày dự kiến: 4 tháng
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng
Phế cầu khuẩn viêm phổi PCV	Ngày dự kiến: 2 tháng	Ngày dự kiến: 4 tháng
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng

Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6
Ngày dự kiến: 6 tháng	Ngày dự kiến: 15~18 tháng	Ngày dự kiến: 4~6 tuổi	Ngày dự kiến: 11~12 tuổi
Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng
Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	v
Ngày dự kiến: 6~18 tháng	Ngày dự kiến: 4~6 tuổi		
Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng		
Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng		
Ngày dự kiến: 6 tháng	Ngày dự kiến: 12~15 tháng		
Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng		
Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng		
Ngày dự kiến: 6 tháng	Ngày dự kiến: 12~15 tháng		
Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng		
Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng		

표준 예방접종 기록표 국가예방접종

백신 종류	1차	2차	3차	4차	5차	비고
홍역, 유행성이하선염, 풍진 MMR	예정일: 12~15개월	예정일: 만4~6세				
	접종일	접종일				
	접종기관명	접종기관명				
수두 VAR	예정일: 12~15개월					
	접종일					
	접종기관명					
A형간염 HepA	예정일	예정일				* 1차 접종 후 6~18개월 간격 2차 접종 (제조사별 접종시기 상이)
	접종일	접종일				
* 12~23개월: 1, 2차 접종/비고 참조	접종기관명	접종기관명				
일본뇌염 (사백신 5차, 생백신 2차)	예정일	예정일	예정일	예정일: 만6세	예정일: 만12세	* 사백신: 1차 접종 후 7~30일 간격 2차 접종, 1년후 3차 추가접종
	접종일	접종일	접종일	접종일	접종일	
* 12~23개월: 사백신 1,2차, 생백신 1차 접종/비고참조	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	* 생백신: 1차 접종 1년 후 2차 접종
사람유두종바이러스 (자궁경부암) HPV	백신명	백신명				
	접종일	접종일				* 6개월 간격으로 2회 접종
* 만12세 1~2차 접종/비고참조	접종기관명	접종기관명				

Bảng ghi chép việc tiêm phòng đúng tiêu chuẩn

Những bệnh bắt buộc phải tiêm phòng

Chủng loại vắc xin	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Ghi chú
Bệnh sởi, quai bị, Rubella MMR	Ngày dự kiến: 12~15 tháng	Ngày dự kiến: 4~6 tuổi				
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng				
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng				
Thủy đậu VAR	Ngày dự kiến: 12~15 tháng					
	Ngày tiêm chủng					
	Tên cơ quan tiêm chủng					
Viêm gan A HepA * 12~23 tháng tuổi: Tiêm chủng mũi 1,2/Tham khảo ghi chú	Ngày dự kiến	Ngày dự kiến				* Tiêm chủng lần 2 sau 6-18 tháng (Thời kỳ tiêm chủng khác nhau theo công ty chế tạo thuốc)
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng				
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng				
Viêm não Nhật Bản (Vắc xin chết: Lần 5, Vắc xin sống: Lần 2) * 12~23 tháng tuổi: Tiêm vắc xin chết mũi 1,2, vắc xin sống mũi 1/ Tham khảo ghi chú	Ngày dự kiến	Ngày dự kiến	Ngày dự kiến	Ngày dự kiến: 6 tuổi	Ngày dự kiến: 12 tuổi	* Vắc xin chết: Tiêm chủng lần 2 với khoảng cách sau tiêm chủng là 7-30 ngày, tiêm chủng thêm lần 3 sau 1 năm * Vắc xin sống: Tiêm chủng lần 2 sau 1 năm
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	
Vi rút sinh u nhú cho người (Ung thư cổ tử cung) HPV * 12 tuổi tiêm mũi 1~2/ Tham khảo ghi chú	Tên vắc xin	Tên vắc xin				* Tiến hành tiêm chủng 2 đợt, mỗi đợt cách nhau 6 tháng
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng				
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng				

표준 예방접종 기록표 국가예방접종

백신 종류	1차	2차	3차	4차	5차	비고
인플루엔자 (독감)	예정일	예정일	백신명	백신명	백신명	
	접종일	접종일	접종일	접종일	접종일	
	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	
	백신명	백신명	백신명	백신명	백신명	
	접종일	접종일	접종일	접종일	접종일	
	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	
	백신명	백신명	백신명	백신명	백신명	
	접종일	접종일	접종일	접종일	접종일	
	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	
	백신명	백신명	백신명	백신명	백신명	
	접종일	접종일	접종일	접종일	접종일	
	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	
	백신명	백신명	백신명	백신명	백신명	
	접종일	접종일	접종일	접종일	접종일	
	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	접종기관명	

Bảng ghi chép việc tiêm phòng đúng tiêu chuẩn

Những bệnh bắt buộc phải tiêm phòng

Chủng loại vắc xin	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Ghi chú
Bệnh cúm (cảm cúm)	Ngày dự kiến	Ngày dự kiến	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	
	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	
	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	
	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	
	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	Tên vắc xin	
	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	Ngày tiêm chủng	
	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	Tên cơ quan tiêm chủng	

예방접종의 중요성

"왜 예방접종을 해야 하는가?"

과거에는 두창 (천연두)이나 홍역과 같은 감염병이 큰 두려움의 대상이었지만 백신이 개발되고 예방접종이 실행되면서 감염의 발생이 큰 폭으로 줄어들었습니다. 하지만 어린이 건강을 위협하는 감염병 유행이 여전히 계속되고 있어 예방접종에 대한 국민 여러분의 관심과 참여는 앞으로도 매우 중요합니다.

"감염병들이 예방접종으로 인하여 점차 사라지고 있다."

소아마비 (폴리오)나 디프테리아 같은 질병은 우리나라에서 거의 발생하지 않습니다. 물론 이러한 질병들에 대하여 예방접종을 해왔기 때문에 질병들이 점차 없어져가고 있습니다.

"감염병이 완전히 퇴치될 때까지 예방접종해야 한다."

오늘날 감염병이 거의 발생하지 않더라도 만일 우리가 예방접종을 하지 않는다면 점점 더 많은 사람들이 감염될 것입니다. 이것은 곧 우리가 몇 년 동안에 걸쳐 해왔던 그 어떤 퇴치운동도 진전이 없게 되는 것을 의미합니다.

"만약 예방접종을 하지 않는다면?"

예방접종을 하지 않는다면 어떤 일이 일어날까요? 거의 알려지지 않은 감염병들이 재출현하게 되고, 오늘날 잘 관리되고 있는 질병들의 대규모 유행이 발생할 것이며, 이로 인해 많은 어린이들이 감염병에 걸리거나 사망할 것입니다.

"미래를 보호하기 위해 예방접종을 해야 한다."

예방접종은 비단 어린이를 위해서 뿐만 아니라 우리의 후손들을 위해서 그리고 그들의 후손들을 위해서 예방접종을 해야 합니다. 한 예로 천연두는 이미 퇴치된 감염병으로 질병이 더 이상 존재하지 않기 때문에 우리의 아이들은 예방접종할 필요가 없습니다. 만일 우리가 예방접종을 꾸준히 한다면, 미래의 부모들은 소아마비나 뇌수막염 같은 감염병들이 아이들에게 감염되거나 장애를 남기거나 사망하게 되지 않는다고 확신할 수 있습니다. 예방접종은 감염병을 예방할 수 있는 최선의 방법입니다.

Tính cần thiết của tiêm chủng

"Tại sao phải tiêm chủng?"

Trước đây những bệnh truyền nhiễm như bệnh đậu mùa, bệnh sởi là nỗi lo sợ rất lớn của con người nhưng từ khi vắc xin được phát minh và tiến hành tiêm chủng thì số bệnh nhân mắc phải những bệnh truyền nhiễm này ngày càng giảm. Tuy nhiên vì những căn bệnh truyền nhiễm liên tục ảnh hưởng và uy hiếp đến sức khỏe của trẻ em, do đo sự quan tâm và tham gia của người dân về việc tiêm chủng là rất quan trọng.

"Nhờ có tiêm chủng mà nhiều loại bệnh truyền nhiễm đã biến mất"

Những bệnh truyền nhiễm như bệnh bại liệt hay bệnh bạch hầu đã không còn xuất hiện ở đất nước chúng ta nữa. Rõ ràng là do việc tiêm chủng bệnh truyền nhiễm đã được thực hiện nên những căn bệnh đó dần dần biến mất.

"Phải tiêm chủng cho đến khi có thể loại bỏ hoàn toàn bệnh truyền nhiễm"

Dù ngày nay bệnh truyền nhiễm gần như không còn xảy ra nhưng giả sử chúng ta không tiêm chủng thì dần dần số người mắc bệnh truyền nhiễm sẽ càng ngày càng nhiều lên. Điều này có nghĩa là phòng trào đẩy lùi các căn bệnh truyền nhiễm trong những năm qua mà chúng ta đã và đang thực hiện trở nên vô nghĩa.

"Giả sử không tiêm chủng thì sao?"

Giả sử không tiêm chủng thì liệu chuyện gì sẽ xảy ra? Hầu hết những bệnh truyền nhiễm chưa được biết đến có thể xuất hiện lại, và những bệnh được quản lý tốt cũng có thể phát sinh thành bệnh dịch. Do đó, nhiều trẻ em có thể sẽ mắc bệnh truyền nhiễm và tử vong.

"Phải tiến hành tiêm chủng để bảo vệ tương lai"

Tiêm chủng không chỉ vì trẻ em mà còn vì thế hệ con cháu của chúng ta và thế hệ con cháu của con cháu chúng ta. Ví dụ, hiện nay bệnh đậu mùa đã được phòng tránh và không còn tồn tại nên ngày nay trẻ không cần phải tiêm phòng đậu mùa nữa. Nếu chúng ta tiếp tục thực hiện tiêm chủng thì chắc chắn rằng các ông bố bà mẹ tương lai sẽ không làm lây nhiễm, tàn tật hay tử vong cho con cái mình do các bệnh truyền nhiễm như bại liệt hay viêm màng não. Tiêm chủng là phương pháp tốt nhất để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm.

예방접종 단계별 주의사항

step1. 예방접종 전에는

- 아이가 좋아하는 장난감이나 담요를 가지고 와서 아기를 편안하게 해줍니다.
- 주사로 아이에게 겁을 주지 않아야 하며 예방접종에 대해 정직하게 말해줍니다. "따끔하지만 몇 초만 지나면 괜찮을 거야."
- 로타바이러스 예방접종은 먹는 접종이므로 접종 1시간 이전에는 구토 등을 예방하기 위하여 엄마젖이나 분유를 먹이지 않으시는 것이 좋습니다.

step2. 예방접종 동안은

- 아기의 관심을 다른 곳으로 돌리고 안심시킵니다.
- 부드럽게 어루만지며 눈을 맞추어 불안해하지 않도록 해줍니다.
- 작은 인형을 쥐어주거나 정겨운 대화를 하면서 아이를 안심시킵니다.

step3. 예방접종 후에는

- 접종 받은 아이가 편안해 할 수 있게 만져주거나 꼭 안아주고, 젖을 물립니다.
- 다 끝났다고 안심시킨 후 칭찬을 하면서 놀아줍니다.

step4. 집에돌아와서는

- 다음 예방접종일을 달력에 표시해 둡니다.
- 접종부위가 빨갛게 부어오르거나(발적), 통증이 생기면 찬 물수건을 대 줍니다.
- 아이가 다음날까지 잘 먹지 못한다면 수분을 충분히 섭취할 수 있게 해줍니다.



Từng bước cần lưu ý khi tiêm phòng

Bước 1. Trước khi tiêm phòng

- Cầm theo đồ chơi trẻ thích hoặc chăn, mền để làm trẻ cảm thấy thoải mái.
- Không dọa trẻ khi tiêm thuốc và nói thẳng thắn với trẻ về việc tiêm phòng. "Con sẽ cảm thấy nhói đau nhưng mà qua mấy giây sẽ không sao đâu"
- Vì tiêm vắc-xin phòng vi rút rota là tiêm chủng, bạn không nên cho bé ăn sữa mẹ hoặc sữa công thức trước 1 giờ tiêm vắc-xin để tránh nôn.

Bước 2 Trong khi tiêm phòng

- Kéo sự chú ý của trẻ tới nơi khác và làm trẻ cảm thấy yên tâm.
- Vuốt ve nhẹ nhàng, nhìn vào mắt trẻ để giúp trẻ không cảm thấy bất an.
- Đưa cho trẻ một con búp bê nhỏ hoặc trò chuyện vui vẻ với trẻ để trẻ cảm thấy an tâm.

Bước 3 Sau khi tiêm phòng

- Vuốt ve hoặc ôm chặt trẻ sau khi tiêm để làm trẻ cảm thấy thoải mái và cho trẻ bú mẹ.
- Sau khi làm trẻ yên tâm là đã tiêm xong, hãy khen ngợi và chơi với trẻ.

Bước 4 Trở về nhà

- Đánh dấu ngày tiêm phòng tiếp theo ở trên lịch.
- Nếu chỗ tiêm bị sưng đỏ hoặc bị đau, thì dùng khăn lạnh đắp lên.
- Nếu trẻ vẫn không ăn uống tốt cho đến ngày hôm sau, thì phải cho trẻ uống nhiều nước.



안전한 예방접종 바로알기

★예방접종 금기사항 및 주의사항

예방접종 금기사항은 일반적으로 접종을 하지 않아야 하는 상황을 의미하며, 주의사항은 접종연기를 고려하거나 접종 시 주의가 필요한 상황을 의미 합니다.

★백신 접종의 영구적인 금기사항

- 백신 성분에 대하여 또는 이전 접종 후에 심한 알레르기 반응(아나팔락시스)이 발생 했던 경우
- 백일해 백신 투여 7일 이내에 다른 이유가 밝혀지지 않은 뇌증이 발생했던 경우

★소아기의 백일해 함유 백신 접종의 영구적인 주의사항

- 접종 48시간 이내 40도씨의 발열
- 접종 48시간 이내 발생한 탈진 또는 쇼크와 같은 상태
- 접종 48시간 이내에 발생한 3시간 이상 달래지지 않고 지속되는 울음
- 발열여부와 관계없이 접종 3일 이내 발생한 경련

[피접종자의 상태에 따른 생백신·사백신 접종 가능 여부]

1. 백신성분에 대한 심한 알레르기 반응이 있는 경우 접종하여서는 안 됩니다.
2. 심한 질병을 갖고 있는 경우 의사 상담 후 주의해서 접종하여야 합니다.
3. 면역결핍이 있는 경우 생백신은 접종하여서는 안 되며, 사백신의 경우 적응증이 되면 접종하도록 합니다.
4. 최근 혈액제 투입을 했을 경우 생백신은 의사 상담 후 주의해서 접종해야 하며, 사백신은 적응증이 되면 접종하도록 합니다.
5. 임산부의 경우 생백신을 접종하여서는 안 되며, 사백신의 경우 적응증이 되면 접종하도록 합니다.

Hiểu biết về tiêm phòng an toàn

★ Những trường hợp cấm chỉ định tiêm phòng và những điều cần lưu ý khi tiêm phòng

Những trường hợp cấm chỉ định tiêm phòng là đề cập đến những trường hợp không được tiêm phòng, còn những điều cần lưu ý khi tiêm phòng là đề cập đến những tình huống cần phải xem xét hoãn lại việc tiêm phòng hoặc cần chú ý khi tiêm phòng.

★ Những trường hợp tuyệt đối không được chỉ định tiêm vắc xin

- Trường hợp xuất hiện phản ứng dị ứng (anaphylaxis) nghiêm trọng đối với thành phần của vắc xin trong lần tiêm chủng trước đó.
- Trường hợp phát sinh bệnh não không rõ nguyên nhân trong vòng 7 ngày sau khi tiêm vắc xin ho gà.

★ Những điều cần lưu ý vĩnh viễn khi tiêm phòng vắc xin ho gà cho trẻ em

- Trẻ sốt 40 độ trong vòng 48 tiếng sau khi tiêm.
- Tình trạng trẻ bị kiệt sức, hoặc bị sốc trong vòng 48 tiếng sau khi tiêm.
- Tình trạng trẻ khóc kéo dài trên 3 tiếng hoặc trong vòng 48 tiếng sau khi tiêm.
- Tình trạng trẻ lên cơn co giật trong vòng 3 ngày sau khi tiêm, bất kể có sốt hay không.

[Có thể tiêm vắc xin không kích hoạt hoặc vắc xin kích hoạt theo từng thể trạng của đối tượng sẽ được tiêm chủng.]

1. Nếu có phản ứng dị ứng mạnh với thánh phần của vắc xin thì không được tiêm chủng.
2. Nếu mắc bệnh nặng thi phải được bác sĩ tư vấn rồi mới có thể tiêm chủng.
3. Trong trường hợp hệ miễn dịch kém thì không được phép tiêm chủng vắc xin sống, hãy tiêm vắc xin tổng hợp để phòng bệnh.
4. Trường hợp trong thời gian gần nhất có tiếp nhận máu , nếu tiêm vắc xin sống thì phải được bác sĩ tư vấn rồi tiêm một cách cẩn trọng, nếu thích hợp với vắc xin tổng hợp thì cứ tiến hành tiêm.
5. Các sản phụ không được phép tiêm chủng vắc xin sống, nếu thích hợp với vắc xin tổng hợp thì sẽ tiến hành tiêm vắc xin chết.

★생백신 접종의 일시적인 금기사항

– 임신

– 면역저하

★백신접종의 일시적인 주의사항

– 중등도 또는 심한 급성기 질환은 모든 백신 접종시 주의

– 최근에 항체 함유제제를 투여 받은 경우에는 MMR과 수두함유 백신 접종 일정에 주의(대상포진 백신은 해당되지 않음)

★이상반응

예방접종은 감염병 예방에 가장 효과적이고 비용 대비 편익적인 방법으로, 의학의 발달과 백신 제조 방법의 개선으로 안전하게 시행되고 있습니다. 하지만 사람마다 면역반응이 각기 다르고, 특이 체질을 가지고 있는 사람이 있어 면역형성 과정 중에 아주 드물게(100만 명 중 1명꼴) 이상반응이 나타나는 경우가 있습니다.

하지만 예방접종의 안전성과 질병예방의 효과는 예방접종 후 드물게 발생하는 이상반응과 비교했을 때 훨씬 큰 이점이 있으므로 적기에 예방접종을 받는 것이 더욱 중요합니다.

※ 예방접종 후 이상반응이란 접종과 시간적 개연성이 있는 특이반응, 질병, 장애 등을 모두 일컫는 말입니다.

예방접종 백신은 모두 국가검정을 거친 안전한 백신입니다. 예방접종 후에는 접종부위가 아프거나 빨갛게 부을 수 있는데, 이는 면역형성 과정의 자연스러운 현상으로 대부분 특별한 치료 없이 좋아집니다.

하지만 특이체질을 가지고 있는 경우 또는 접종이나 백신 제조과정의 문제로 드물게 중증 이상반응(쇼크증상 등)이 발생할 수도 있습니다. 이런 증상은 대부분 접종 후 20~30분 이내에 일어나기 때문에 접종 받은 의료기관에 머물면서 이상반응 발생 여부를 주의 깊게 관찰하는 것이 중요합니다.

★ Những trường hợp cấm tạm thời không được chỉ định tiêm vắc xin sống

- Mang thai

- Suy giảm miễn dịch

★ Những trường hợp cần lưu ý tạm thời khi tiêm vắc xin

- Bệnh cấp tính ở mức trung bình hoặc nặng, cần phải lưu ý khi tiêm tất cả các loại vắc xin.

- Trường hợp gần đây có dùng thuốc chứa kháng thể thì cần chú ý đến lịch tiêm phòng vắc xin MMR và thủy đậu (không bao gồm vắc xin bệnh Zona).

★ Những phản ứng lạ

Tiêm phòng là một trong những phương pháp phòng bệnh truyền nhiễm có hiệu quả tối đa, tiện ích và tiết kiệm. Bên cạnh đó nó còn thể hiện sự phát triển của y học, việc chế tạo các loại vắc xin mới nên nó mang lại sự an toàn cao nhất. Nhưng tùy thuộc vào từng người mà có những phản ứng miễn dịch khác nhau, đặc biệt do thể chất của từng người mà trong quá trình hình thành miễn kháng thể miễn dịch có thể có những trường hợp rất hi hữu có phản ứng lạ với vắc xin (trong khoảng 1 triệu người thì có 1 người).

Nhưng khi đem so sánh tính an toàn và hiệu quả của việc tiêm phòng với tỷ lệ người có dị ứng với vắc xin thì ta có thể thấy rằng việc tiêm phòng rất có lợi và hơn thế nữa tiêm chủng đúng lúc là rất quan trọng.

※ Những phản ứng lạ xuất hiện sau khi tiêm chủng là những phản ứng mang tính thay đổi đặc biệt, bệnh tật hay những trở ngại.

Vắc xin tiêm chủng phòng bệnh là vắc xin được chứng nhận an toàn tại mọi quốc gia. Sau khi tiêm chủng xong vết tiêm chủng có thể sẽ đỏ lên hoặc có thể đau nhưng đây là một hiện tượng tự nhiên của quá trình sản sinh kháng thể phòng bệnh nên không cần phải có những điều trị đặc biệt.

Tuy nhiên do thể chất hoặc do vắc xin trong quá trình chế tạo có vấn đề, những phản ứng nặng với thuốc có thể xảy ra (sốc thuốc). Những triệu chứng này sẽ xảy ra 20~30 phút sau khi tiêm chủng xong, vì vậy sau khi tiêm chủng xong, cần ở lại cơ quan y tế để theo dõi xem những phản ứng lạ có xảy ra không.

안전한 예방접종 바로알기

★주요 이상반응

– **국소 이상반응 :** 통증, 발적(빨갛게 부어오름), 경결(단단하게 굳음), 주사부위 염증 등

– **전신 이상반응 :** 발열 (39도 이상), 보챔, 식욕부진, 구토 등

★이상반응이 발생하면 어떻게 해야 하나요?

예방접종 후 이상반응 발생 시 적절한 치료를 받을 수 있도록 즉시 의료기관을 방문하는 것이 중요합니다.

★이상반응 신고 요령

– 예방접종 받은 의료기관이나 보건소에 전화로 신고하실 수 있습니다.

– 예방접종도우미 사이트에서 보호자가 인터넷으로 신고하실 수 있습니다.



Hiểu biết về tiêm phòng an toàn

★ Những phản ứng phụ chính

- **Phản ứng lạ của 1 bộ phận cơ thể:** Ví dụ như bị đau, bị nổi đỏ (có những vết đỏ nổi lên), có những vết cứng nổi lên trên da, vết tiêm chủng bị nhiễm trùng
- **Phản ứng phụ toàn thân:** Sốt cao (trên 39 độ), khó chịu, kém ăn, nôn ọe...

★ Khi có những phản ứng lạ xảy ra thì nên làm thế nào?

Sau khi tiêm chủng xong mà thấy xảy ra hiện tượng phản ứng lạ với thuốc thì cần phải đến cơ quan y tế ngay lập tức để được điều trị kịp thời.

★ Có thể báo cáo khi xảy ra phản ứng lạ

- Có thể báo cáo tại cơ quan y tế nơi đã tiêm chủng hoặc tại trạm y tế.
- Người thân có thể báo cáo thông qua trang web giúp đỡ về tiêm phòng.



예방접종 도우미 홈페이지

"예방접종은 건강한 삶의 첫걸음입니다."



예방접종 기록조회 및 일정보기

아기정보를 등록하면 전산 등록된 접종기록을 확인 할 수 있으며, 출생일을 입력하면 표준예방접종 일정표에 따른 아기의 예방접종 일정을 확인 할 수 있습니다.



예방접종증명서 신청

예방접종증명서 발급: 예방접종도우미 홈페이지에 회원가입 후 아기를 등록하면 전산 등록된 예방접종 기록에 대하여 정부 24 사이트를 통해 인터넷으로 무료로 발급 받으실 수 있습니다.



예방접종 정보

아기에게 필요한 예방접종 및 대상 질병에 대한 정보, 예방접종 전후의 주의사항, 금기사항 등에 대한 자세한 정보를 제공받을 수 있습니다.



예방접종 후 이상반응 신고

예방접종 후 이상반응으로 의심되는 경우 보호자께서 직접 인터넷으로 신고하실 수 있습니다.



의료기관 찾기

가까운 보건소 및 의료기관 현황을 지역별로 검색하여 찾아볼 수 있습니다.



궁금한 게 있어요

예방접종에 관하여 자주 묻는 질문을 확인하고 예방접종에 대하여 궁금한 사항을 질의하고 답변 받을 수 있습니다.

- **정부24 홈페이지 주소** http://www.gov.go.kr
- **질병관리본부 예방접종 민원상담 전화** 043-719-6850
- **예방접종도우미 홈페이지 주소** http://nip.cdc.go.kr

※ 다른 병원이나 보건소에서 시행한 예방접종 기록은 예방접종 도우미 홈페이지에서 확인하실 수 있습니다.

Trang web giúp đỡ về việc tiêm phòng

"Tiêm phòng là đi đầu tiên để có một cuộc sống khỏe"



Xem ghi chép và lịch tiêm phòng

Sau khi đăng ký thông tin của trẻ, bạn có thể xem toàn bộ những ghi chép liên quan đến việc tiêm phòng của trẻ. Và khi bạn nhập ngày sinh của trẻ vào, bạn có thể xem toàn bộ bảng lịch trình đúngtiêu chuẩn về việc tiêm chủng của trẻ.



Đăng ký giấy chứng nhận tiêm phòng

Xin cấp giấy chứng nhận tiêm phòng: Nếu bạn đăng kí thành viên trên trang web Giúp đỡ tiêm chủng phòng bệnh rồi đăng kí cho trẻ vào trang web đó, thì bạn có thể xin cấp miễn phí nhận giấy chứng nhận về những thông tin tiêm chủng đã được đăng kí điện tử trên trang web chính phủ 24.



Thông tin về tiêm phòng

Trang web cung cấp toàn bộ những thông tin đầy đủ nhất về những tiêm chủng cần thiết cho trẻ và thông tin về các loại bệnh cần tiêm chủng, những chú ý sau khi tiêm chủng, và những điều cấm sau khi tiêm chủng.



Báo cáo về phản ứng lạ sau khi tiêm phòng

Trong trường hợp có xuất hiện hiện tượng lạ sau khi tiêm phòng, người thân có thể báo cáo trực tiếp thông qua internet.



Tìm cơ sở y tế

Bạn có thể tìm kiếm theo vùng hiện trạng các cơ quan y tế và trạm y tế gần nhất.



Bạn có điều thắc mắc

Hãy tham khảo những câu hỏi thường gặp nhất khi đi tiêm phòng va sau đó có thể đăng câu hỏi về những điều bạn đang thắc mắc để nhận được câu trả lời thích đáng.

- **Địa chỉ trang web chính phủ 24** http://www.gov.go.kr
- **Số điện thoại cuả người phụ trách tư vấn tiêm chủng của trung tâm kiểm soát dịch bệnh** +82-43-719-6850
- **Địa chỉ trang web Giúp đỡ tiêm chủng phòng bệnh** http://nip.cdc.go.kr

※ Hồ sơ tiêm chủng được ghi chép ở các bệnh viện hoặc trung tâm y tế khác có thể tra trên trang web Trợ lý tiêm chủng.

B형간염 주산기감염 예방사업

"B형간염 주산기감염 예방사업이 우리 아기를 지켜준대요!"

★안내

B형 간염 항원이 양성인 산모에게서 태어난 신생아의 B형 간염의 감염을 예방하기 위해서 국가가 신생아의 면역글로불린 접종, B형간염 예방접종, 항원·항체검사를 무료로 받을 수 있도록 의료비를 전액 지원하는 사업입니다.

★주요내용

- **지원대상 :** 임신 중에 받은 B형간염 검사에서 표면항원 양성 산모(HBeAg 양성자 포함)
- **지원내용 :** 면역글로불린 1회, B형간염 예방접종 3회, 항원항체검사, B형간염 재접종 3회

[우리 아이를 주산기감염에서 예방하려면]

- 임신 중 : B형간염 검사를 받습니다(표면항원 양성일 경우 지원대상이 됩니다).
- 출산 직후 : 아이가 태어나자마자 12시간 이내에 면역글로불린 및 B형간염 1차 접종을 받습니다.
- 생후 1개월 : B형간염 2차 예방접종을 받습니다.
- 생후 6개월 : B형간염 3차 예방접종을 받습니다.
- 생후 9~15개월 : B형간염 항원·항체 검사를 받습니다.
- 항체가 형성되지 않은 경우 재검사 및 재접종을 받을 수 있습니다.

*출생 시 B형간염 면역글로불린과 예방접종을 동시에 시행하는 경우 약 95%까지 수직감염 예방이 가능합니다.

B형간염 주산기감염 예방 안내 http://nip.cdc.go.kr (예방접종도우미 사이트)
질병관리본부 ☎ 043-719-6850

Chương trình phòng chống lây nhiễm bệnh viêm gan siêu vi B trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh

"Chương trình phòng chống lây nhiễm viêm gan B trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh nở sẽ bảo vệ những đứa trẻ của chúng ta"

★ Hướng dẫn

Để ngăn ngừa viêm gan B cho trẻ sơ sinh có mẹ dương tính với kháng nguyên viêm gan B, nhà nước cung cấp toàn bộ chi phí y tế để được chủng ngừa kháng thể, tiêm vắc-xin phòng viêm gan B và xét nghiệm kháng nguyên / kháng thể cho trẻ sơ sinh.

★ Nội dung chính

- **Đối tượng được hỗ trợ :** Sản phụ đang mang thai có biểu hiện dương tính với vi rút viêm gan B (bao gồm cả những người dương tính với HBeAg)
- **Nội dung hỗ trợ :** Globulin miễn dịch: 1 lần, tiêm chủng phòng viêm gan B: 3 lần, kiểm tra kháng nguyên kháng thể, Tiêm tiếp mũi viêm gan B lần thứ 3

[Phương pháp bảo vệ giúp cho trẻ tránh bị lây nhiễm viêm gan trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh nở]

- T rong thời kỳ mang thai: Kiểm tra xét nghiệm viêm gan B (Khi bị phát hiện dương tính thì sẽ trở thành đối tượng được hỗ trợ)
- Ngay sau khi sinh đẻ: Trẻ sau khi được sinh ra, trong vòng 12 tiếng đầu tiên cần phải được tiêm chủng globulin miễn dịch và tiêm phòng viêm gan B.
- Sau khi sinh 1 tháng: tiêm chủng phòng viêm gan B lần 2
- Sau khi sinh 6 tháng: tiêm chủng phòng viêm gan B lần 3
- Sau hi sinh 9~15 tháng: Kiểm tra kháng nguyên kháng thể viêm gan B
- Khi không thấy kháng thể hình thành thì cần khám kiểm tra lại và tiêm chủng lại.

* Ngay sau khi được sinh ra mà trẻ được tiêm phòng globulin miễn dịch và phòng viêm gan B thì đến 95% có khả năng chống được truyền nhiễm từ mẹ sang con trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh nở

Hướng dẫn phòng chống lây nhiễm viêm gan B từ mẹ sang con trong thời kỳ mang thai và sau khi sinh nở http://nip.cdc.go.kr (Trang web giúp đỡ về tiêm chủng phòng bệnh)
Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh ☎ +82-43-719-6850

건치를 만들어요

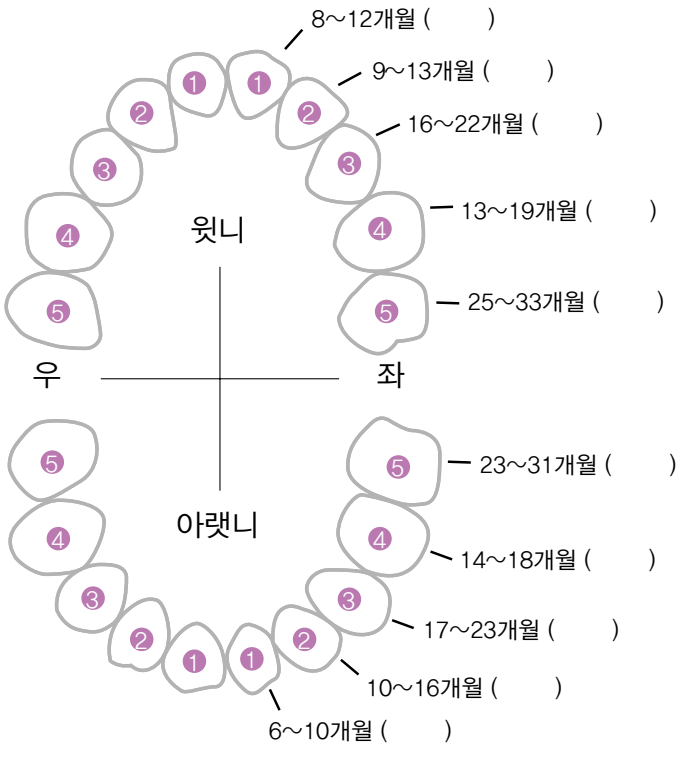
36 치아발달그림
37 표준시기
39 영유아 구강설명 (9~12개월용)
40 영유아 구강설명 (18~29개월용)
41 영유아 구강설명 (42~53개월용)
42 영유아 구강설명 (54~65개월용)
43 치실 사용 방법

Để trẻ có răng chắc khỏe

36 Bức tranh sự phát triển răng của trẻ
37 Thời kỳ tiêu chuẩn
39 Giải thích khoang miệng của trẻ (9~12 tháng)
40 Giải thích khoang miệng của trẻ (18~29 tháng)
41 Giải thích khoang miệng của trẻ (42~53 tháng)
42 Giải thích khoang miệng của trẻ (54~65 tháng)
43 Phương pháp sử dụng chỉ nha khoa

치아발달그림

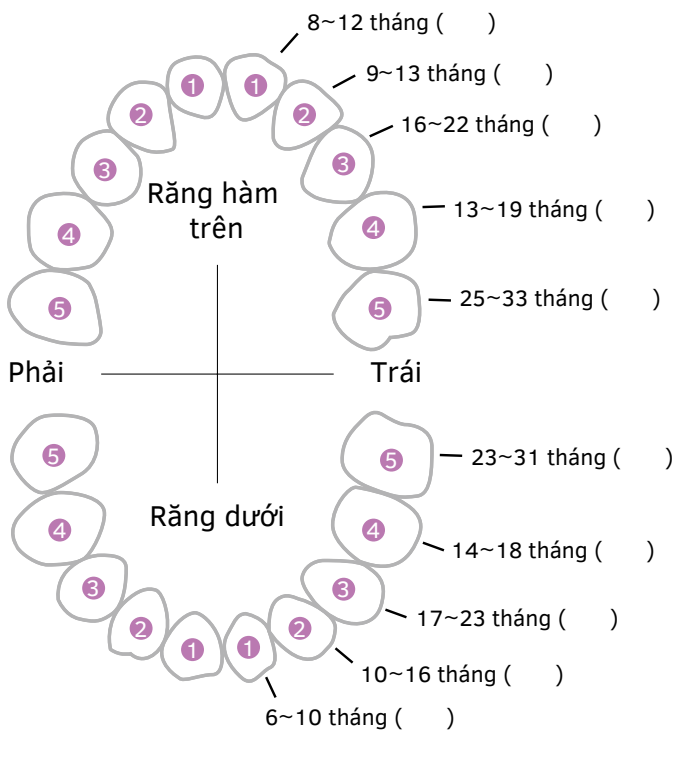
♣ 표준시기 (치아가 나는 시기)



위의 그림은 **각 유치가 나는 표준시기**입니다.
치아 그림을 보시면서 치아 나는 시기마다 개월 수를 기재하세요.

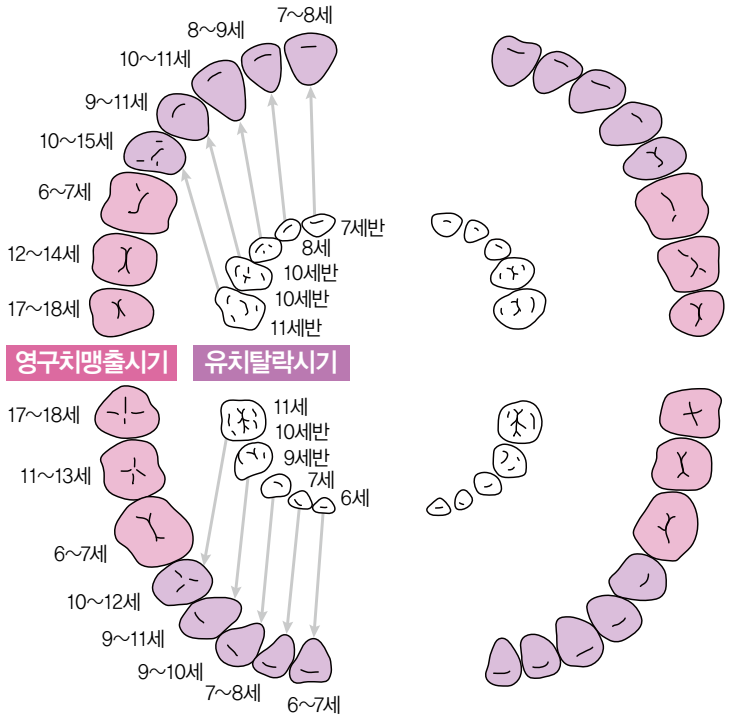
Bức tranh sự phát triển răng của trẻ

♣ Thời kỳ tiêu chuẩn (THỜI KỲ ĐỂ RĂNG MỌC RA)



Trên đây là bức tranh thể hiện thời kỳ mọc răng tiêu chuẩn của từng chiếc răng. Bạn hãy đánh dấu số tháng của răng theo thời kỳ mọc của từng chiếc răng vào bức tranh này.

표준시기(유치의 탈락 및 영구치 맹출 시기)



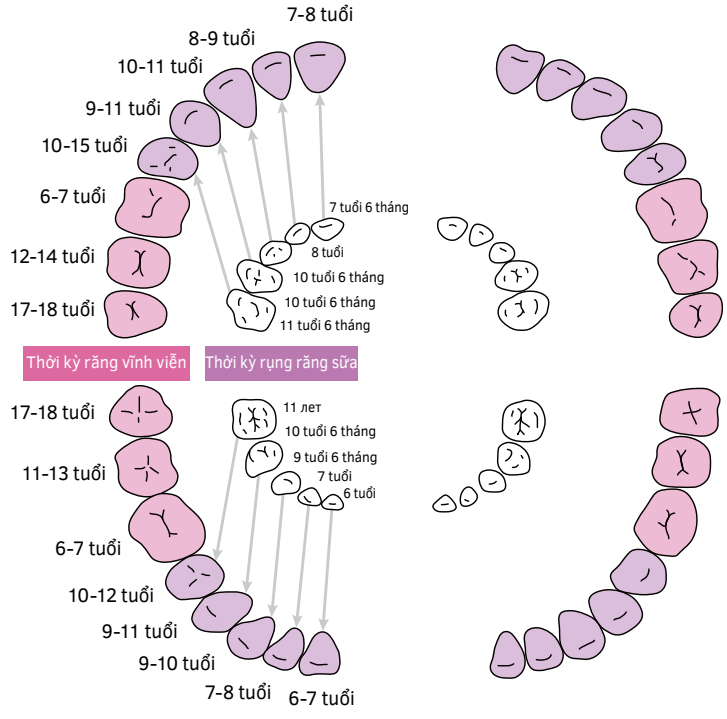
유치
(젖니)

유치가 탈락하며
교환되는 영구치

유치의 탈락없이
맹출되는 영구치

Thời kỳ tiêu chuẩn

(thời kỳ rụng răng sữa và mọc răng vĩnh viễn)



Răng sữa

Răng sữa rụng đi
và sẽ được thay
thế bằng răng
vĩnh viễn

Răng vĩnh viễn
xuất hiện mà
răng sữa không
bị rụng đi

표준시기(유치의 탈락 및 영구치 맹출 시기)

♣ 유치가 빠지지도 않은 자리에 불쑥 올라오는 영구치가 있다는 사실 알고 계시나요?

20개의 영구치는 유치가 빠진 자리에 자리 잡지만, 8개의 큰 어금니(사랑니 제외)는 예외 입니다. 특히, 만 6세경 올라오는 큰 어금니(6세 구치)는 유치로 오해하기 쉽습니다. 때문에 관리에 소홀하거나, 썩어도 곧 뽑겠지 하고 간혹 방치하는 실수를 저지를 수 있습니다.

우리 입안에 처음으로 자리 잡는 영구치인 큰 어금니는 만 6세부터 평생 동안 음식물을 씹는 가장 큰 역할을 할 뿐만 아니라 얼굴의 형태를 정하고 다른 영구치의 위치 결정에도 관여하기 때문에 건강하게 유지하는 것이 매우 중요합니다.

♣ 곧 빠지는 치아라고 유치(젖니) 관리에 소홀하셨나요?

유치는 성장기 아동의 발육과 영구치 성장에 영향을 줄 수 있기 때문에 적절한 관리가 필요합니다. 유치는

① 성장과 발육에 필요한 영양분 섭취를 위한 소화의 첫 단계 역할을 합니다.

② 영구치가 나올 수 있는 공간을 확보합니다.

③ 아동의 발음 형성에 중요한 영향을 미칩니다.

④ 성장기 턱뼈 발육과 근육 발달을 돕습니다.



Thời kỳ tiêu chuẩn

(thời kỳ rụng răng sữa và mọc răng vĩnh viễn)

♣ Bạn có biết là răng vĩnh viễn có thể xuất hiện ở vị trí của răng sữa chưa bị rụng đi không?

20 răng vĩnh viễn thường mọc lên sau khi răng sữa của bé rụng đi, tuy nhiên có 8 răng hàm to (trừ răng khôn) là những ngoại lệ. Đặc biệt, răng hàm to xuất hiện khi con bạn 6 tuổi (răng hàm của trẻ 6 tuổi) dễ bị nhầm lẫn như răng sữa của trẻ. Vì vậy, bạn có thể mắc phải sai lầm khi bỏ bê sự chăm sóc hoặc để răng bị sâu mà không điều trị đúng cách, nghĩ rằng chúng sẽ được thay thế bằng răng vĩnh viễn.

Răng hàm to vĩnh viễn khi mọc lên đầu tiên trong hàm răng của trẻ, không chỉ đóng vai trò quan trọng khi chúng ta nhai thức ăn từ 6 tuổi cho đến suốt khoảng thời gian sống của chúng ta, mà còn có ảnh hưởng đến sự hình thành khuôn mặt và còn liên quan đến việc quyết định vị trí vĩnh viễn của các răng khác. Vì vậy, việc giữ cho chúng khỏe mạnh là rất quan trọng.

♣ Bạn đã bỏ bê việc chăm sóc răng sữa cho trẻ chỉ vì bạn cho rằng chúng sẽ sớm được thay thế bằng những chiếc răng vĩnh viễn chăng?

Răng sữa của trẻ đòi hỏi phải được chăm sóc và điều trị thích hợp, vì chúng có thể có tác động đáng kể đến sự phát triển của trẻ và sự phát triển của răng vĩnh viễn. Răng sữa

① Những răng này đóng vai trò là bước đầu tiên giúp cho con của bạn hấp thụ chất dinh dưỡng cần thiết để phát triển và tăng trưởng.

② Đảm bảo vị trí cho răng vĩnh viễn có thể mọc ra.

③ Có tác động đáng kể đến việc hình thành cách phát âm ở trẻ.

④ Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của xương hàm và cơ trong giai đoạn tăng trưởng.



영유아 구강설명 (9~12개월용)

♣ 어머니의 작은 관심이 아이에게 평생 건강한 치아를 선물합니다.

우리 아기, 이가 났네요!



제일 먼저 아래 앞니가 나오는데 보통 생후 6~10개월 경에 납니다.

영유아기 우식증 (Early childhood caries)



만 6세 미만 아이의 젖니가 하나 이상 썩거나 치료받는 경우

♣ 영유아기 우식증은 왜 생길까요?

- 이를 썩게 하는 세균이 많을 때
- 잘못된 수유습관
- 영양실조
- 침이 제대로 안 나올 때
- 잠을 못자서 밤에 자주 먹을 때

♣ 아이가 잠자면서 우유병을 물고자거나 엄마의 젖을 물고자는 일이 없도록 하세요.

아이의 건강한 치아를 위한 Tip



- 치아가 난 후에는 작고 부드러운 유아용 칫솔과 물로 닦아 주세요.
- 아이가 잘 때 물 이외의 음료가 든 우유병을 물고 자거나, 아이가 너무 자주 쥬스, 우유, 설탕이 있는 음료가 든 병을 빨지 못하게 하세요.
- 컵을 이용하여 음료를 마시는 훈련을 시작하세요. 우유병은 돌 즈음에는 끊어야 합니다. 늦어도 15개월을 넘기지 마세요.
- 첫 이가 난 후 6개월 이내 혹은 돌 경에 치과에서 검진을 받도록 하세요.
- 아이의 구강건강을 위해 보호자도 구강관리를 철저히 하세요.

Giải thích khoang miệng của trẻ (9-12 tháng)

♣ Hãy thể hiện sự quan tâm nhỏ của người mẹ để đứa con lớn lên có hàm răng khỏe mạnh.

Con của chúng ta Đã mọc răng rồi



Thường thì răng cửa sẽ mọc trước Sau khi trẻ sinh ra được từ 6~10 tháng

Trẻ bị chứng nướu răng (Early childhood caries)



Trường hợp khi trẻ đến 6 tuổi mà hơn 1 chiếc răng bị hỏng hoặc phải chữa trị

♣ Tại sao trẻ em lại bị chứng nướu răng?

- Có nhiều vi khuẩn gây sâu răng
- Thiếu chất dinh dưỡng
- Ăn đêm do không ngủ được
- Thói quen uống sữa không đúng
- Nước bọt không ra đủ

♣ Bạn hãy cố gắng để không có việc trẻ đang ngủ mà vẫn bú bình sữa bột hoặc bú sữa mẹ.

Cẩm năng giúp trẻ có hàm răng chắc khỏe Tip



- Sau khi răng đã mọc ra thì hãy đánh răng cho trẻ bằng bàn trải đánh răng nhỏ mềm mại dùng cho trẻ em và nước.
- Hãy cố gắng để cho trẻ ngậm bình nước uống thay vì ngậm bình sữa trong khi ngủ, cố gắng để cho trẻ ít bú bình có chứa sữa, nước hoa quả hay đường trong khi ngủ.
- Hãy dạy trẻ cách uống nước bằng việc sử dụng cốc. Hãy loại bỏ thói quen uống bằng bình bú sữa của trẻ, và không để cho trẻ uống bằng bình bú sữa khi trẻ đã quá 15 tháng tuổi.
- Sau khi trẻ mọc chiếc răng đầu tiên trong khoảng từ 6~12 tháng cần đưa trẻ đi khám nha khoa.
- Để cho trẻ có răng chắc khỏe thì người thân cũng cần phải chăm sóc răng miệng của mình một cách hợp lý.

영유아 구강설명 (18~29개월용)

✔ 체크가 한 개 이상이면 치과를 방문하세요.

♣ 우리 아이의 입안을 꼼꼼히 살펴봅시다.

다른 치아보다 유난히 뿌옇고 분필같이 불투명하게 보이는 부분이 있나요?



아이의 치아에 하얀 때(음식 찌꺼기, 플라그)가 있나요?



아이의 치아에 갈색 혹은검은색으로 썩은 부분이 있나요?

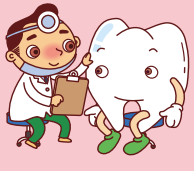


♣ 우리 아이의 이는 어떻게 닦아야 할까요?



어린이용 칫솔과 물로 하루에 2번 이상 꼼꼼히 닦아주세요.
아이를 무릎에 눕히거나 뒤쪽에서 닦아주면 편하겠지요?

아이의 건강한 치아를 위한 Tip



- 아이의 치아를 작고 부드러운 칫솔과 물만 이용하여 닦아 주세요. 치약은 두 돌부터 사용하세요.
- 아직까지 우유병을 사용하고 있다면 반드시 끊도록 하세요.
- 음료는 컵에 담아서 마시도록 해 주세요.
- 당신의 아이에게 적당한 불소이용법에 대해 치과의사와 상의해 보세요.
- 아이가 아직까지 구강검진을 받아 본 적이 없다면 지금 당장 받아보세요.
- 아이의 구강건강을 위해 보호자도 구강관리를 철저히 하세요.

Giải thích khoang miệng của trẻ (18-29 tháng)

Khi kiểm tra thấy trẻ có hơn 1 ✔ thì cần đưa trẻ đi khám nha khoa.

♣ Chúng ta hãy kiểm tra thật kỹ phía bên trong khoang miệng của trẻ

Liệu có chiếc răng nào trông khác với các chiếc răng khác, và có những phần trông như màu chì không?



Khi răng trẻ có màu trắng, bạn có nhìn thấy có bựa răng không?



Trên răng của trẻ có phần nào bị sâu chuyển màu đen không?

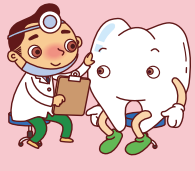


♣ Răng của trẻ nên được đánh như thế nào?



Hàng ngày hãy đánh răng cho trẻ bằng bàn chải dùng cho trẻ nhỏ 2 lần / 1 ngày.
Và khi đánh răng cho trẻ bạn sẽ cảm thấy thoải mái và dễ dàng hơn nếu cho trẻ ngồi lên đùi bạn hoặc bạn ngồi ở phía sau trẻ.

Cẩm năng giúp trẻ có hàm răng chắc khỏe Tip



- Vì răng của trẻ còn rất bé nên bạn chỉ nên dùng nước và bàn trải đánh răng để đánh răng cho trẻ thôi. Còn thuốc đánh răng bạn nên sử dụng khi trẻ đu 2 tuổi trở lên.
- Và nếu trẻ vẫn còn đang dùng bình bú sữa thì bạn hãy chắc chắn rằng bạn sẽ không cho trẻ tiếp tục sử dụng nữa.
- Hãy cho trẻ uống nước bằng cốc.
- Hãy tham khảo ý kiến của bác sỹ về phương pháp sử dụng bổ sung fluoride vừa đủ cho trẻ.
- Và cho đến thời điểm này nếu trẻ chưa đi khám nha khoa lần nào thì hãy đưa trẻ đi khám nha khoa ngay.
- Để cho trẻ có răng chắc khỏe thì người thân cũng cần phải chăm sóc răng miệng của mình một cách hợp lý.

영유아 구강설명 (42~53개월용)

아이들의 구강건강을 위해서는 부모님들의 지속적인 관심이 필요합니다.

♣ 올바른 칫솔 선택
유아용으로 작고 부드러운 칫솔을 선택합니다.

♣ 이닦기 시기
식사 후와 간식 섭취 후 특히 강조되어야 할 점은 아침과 잠자기 전에 꼭 이루어져야 합니다.

♣ 치약과 그 사용량
2살 이후에 불소가 함유된 치약을 사용하기 시작합니다. 3세 이전에는 쌀알 크기, 3세 이후에는 작은 콩알 크기를 사용하도록 합니다.

♣ 칫솔 보관 방법
사용 후 청결히 세척하고 뚜껑을 덮지 않은 상태로 바람이 잘 통하는 곳에 보관하도록 합니다.

♣ 이닦기 방법
7세 이전에는 아이 스스로 이를 닦기 힘듦으로 보호자가 이 닦는 것을 도와주도록 합니다.

♣ 칫솔 교환 시기
적어도 3개월에 한 번씩 교환해 줍니다.



- 올바른 치약과 칫솔을 선택하여 하루에 2번씩 규칙적으로 칫솔질을 해 주세요.
- 아이가 스스로 이를 닦은 경우에는 깨끗하게 잘 닦았는지 확인해 주세요.
- 아이의 치아사이에 음식물이 잘 끼면 치아사이를 치실로 닦아주세요.
- 증상이 없더라도 6개월에 한 번씩 정기적인 구강검진을 받도록 하세요.

Giải thích khoang miệng của trẻ (42-53 tháng)

Để cho trẻ có hàm răng chắc khỏe, bố mẹ cần thường xuyên quan tâm đến vấn đề răng miệng của trẻ.

♣ Chọn bàn chải đúng
Hãy chọn cho trẻ chiếc bàn trải mềm và chuyên dùng cho trẻ nhỏ.

♣ Thời điểm đánh răng
Sau khi ăn nhẹ xong và đặc biệt là thời điểm ngủ dậy buổi sáng và trước khi đi ngủ buổi tối.

♣ Lượng kem đánh răng cần dùng
Bắt đầu sử dụng kem đánh răng có chứa fluoride sau 2 tuổi. Sử dụng bằng kích thước hạt gạo trước khi trẻ được 3 tuổi và kích thước hạt đậu nhỏ sau khi trẻ được 3 tuổi.

♣ Phương pháp bảo vệ bàn chải
Sau khi dùng hãy rửa sạch bàn chải, không đậy nắp và để bàn chải ở nơi thoáng gió.

♣ Phương pháp đánh răng
Trẻ dưới 7 tuổi gặp khó khăn khi đánh răng một mình nên người thân phải giúp đỡ trẻ đánh răng.

♣ Thời điểm thay bàn chải đánh răng
Ít nhất thì cứ 3 tháng nên thay bàn chải đánh răng một lần.



- Hãy chọn đúng loại bàn chải đánh răng và kem đánh răng, thực hiện việc đánh răng đều đặn theo quy tắc 2 lần một ngày.
- Khi trẻ tự đánh răng một mình thì bạn cần phải kiểm tra xem trẻ đánh răng đã sạch sẽ chưa.
- Trong trường hợp trẻ có mắc thức ăn ở kẽ răng, hãy sử dụng chỉ nha sỹ để lấy ra.
- Dù không có dấu hiệu lạ nhưng tốt nhất cứ 6 tháng 1 lần bạn nên cho trẻ đi khám nha khoa.

영유아 구강설명 (54~65개월용)

♣ 치아를 건강하게 하는 방법


이를 닦아요.


어금니의 틈을 메워요.

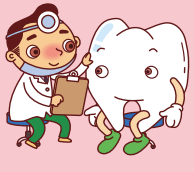

치아에 좋은 음식을 먹어요.


불소의 도움을 얻어요.



치과에 가요.

아이의 건강한 치아를 위한 Tip



- 이는 하루에 2번씩 불소가 든 어린이용 치약을 작은 콩알 만큼 짜서 닦아주세요.
- 아이가 넘어지거나 부딪쳐서 치아가 빠졌을 때에는 차가운 우유나 생리식염수에 치아를 담아 30분 이내에 치과에 가세요.
- 치아가 깨지거나 빠졌나요? 당장 치과에 가세요.
- 젖니 뒤쪽에 영구치가 나고 있나요? 치아홈메우기(치면열구전색)이 필요한지 치과의사와 상의하세요.(보험급여 적용)

Giải thích khoang miệng của trẻ (54-65 tháng)

♣ Phương pháp chăm sóc răng khỏe mạnh


Và đánh răng


Hãy làm khít kẽ răng hàm

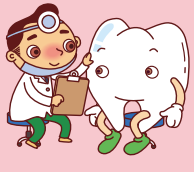

Ăn những thức ăn có lợi cho sức khỏe răng miệng


Và bổ sung fluoride



Đi đến nha sỹ

Cẩm nang giúp trẻ có hàm răng chắc khỏe Tip



- Hãy đánh răng hai lần 1 ngày và mỗi lần sử dụng một lượng bằng hạt đậu kem đánh răng dùng cho trẻ em để đánh răng.
- Khi con bạn bị gãy răng do ngã hoặc do va chạm vào một thứ gì đó, hãy ngâm răng trong sữa lạnh hoặc nước muối sinh lý và mang đến phòng khám nha khoa trong vòng 30 phút.
- Răng của trẻ bị nứt hay bị rụng? Bạn hãy đưa trẻ đi khám nha khoa ngay lập tức nhé.
- Răng vĩnh viễn đang mọc ở phía sau răng sữa không? Tham khảo ý kiến nha sĩ của bạn về việc lấp đầy rãnh răng là cần thiết hay không (có thể áp dụng bảo hiểm).

치실 사용 방법

❶ 치실을 45㎝ 정도로 자른 후 한쪽 중지 손가락에 2~3회 감아 풀리지 않게 하고, 양 중지사이가 5~10㎝ 정도 되도록 반대편 중지에 나머지 실을 감는다.



❷ 치실을 톱질하듯이 치아 사이에 넣고, 잇몸 속에 살짝 들어가도록 한다.



❸ 한쪽 치아면을 감싸 치실을 C자 형태로 만든다.

❹ 잇몸에서 치아쪽으로 위·아래 5회 정도 보드득 소리가 날 정도로 닦는다.

❺ 다른 치아면도 C자 형태로 감싸고 같은 동작으로 5회 반복하여 닦은 후 치실을 치아 위쪽으로 튕기듯이 빼낸다.



❻ 같은 방법으로 모든 부위의 치아사이를 닦아준다. 이 때 많이 감은 손가락의 치실을 풀어서 반대편으로 감아주어 깨끗한 치실을 사용한다.

부모가 어린이들에게 치실을 사용할 때는 연령과 능력의 차이를 고려하여 다음과 같은 지침을 권합니다.

- 부모님이 어린이의 치아에 치실을 사용할 경우 어린이가 아프지 않도록 주의해야 합니다.
- 어린이를 뒤로 눕힌 자세에서 시행하도록 합니다.
- 부모님과 어린이는 치실을 사용하는 규칙적인 시간을 정해 놓아야 합니다.
- 어린이가 특정한 연령대에 스스로 치실 사용법을 익힐 것이라고 기대해선 안 됩니다.
- 초기에는 어린이에게 앞니부터 스스로 치실을 사용하도록 하여야 합니다.
- 앞니에 치실사용을 능숙하게 한다면 어금니에도 사용하도록 합니다.

Phương pháp sử dụng chỉ nha khoa

❶ Cắt chỉ nha khoa dài khoảng 45 cm, sau đó quấn vào một ngón giữa 2~3 lần để không bị tuột ra. Quấn phần còn lại của sợi chỉ quanh ngón giữa còn lại để khoảng cách giữa hai ngón giữa khoảng 5~10cm.



❷ Đặt chỉ vào giữa các răng như khi cưa để chỉ nhẹ nhàng đi vào trong nướu.



❸ Quấn một một mặt của một chiếc răng để sợi chỉ tạo thành hình chữ C.

❹ Chải răng bằng cách di chuyển sợi chỉ trên dưới khoảng 5 lần từ nướu ra hướng răng sao cho phát ra âm thanh.

❺ Quấn mặt bên kia của răng để chỉ tạo thành hình chữ C và lặp lại 5 lần động tác như thế, sau đó kéo chỉ lên phía trên răng rồi rút ra.



❻ Thực hiện tương tự đối với các răng còn lại. Khi này, tháo chỉ của ngón tay quấn nhiều hơn về phía đối diện để sử dụng phần sạch hơn.

Khi cho trẻ sử dụng chỉ nha khoa, cha mẹ cần cân nhắc đến sự khác biệt của độ tuổi và khả năng của trẻ, nên thực hiện theo chỉ dẫn dưới đây.

- Trong trường hợp bố mẹ sử dụng chỉ nha khoa để làm sạch răng cho trẻ, cha mẹ cần chú ý để không làm trẻ bị đau.
- Hãy tiến hành bằng cách cho trẻ ngồi ra phía sau.
- Cha mẹ và trẻ cùng nhau quy định giờ dùng chỉ nha khoa để làm sạch răng theo quy tắc.
- Không nên quá kỳ vọng rằng ở một độ tuổi đặc biệt nào đấy trẻ có thể tự mình dùng chỉ nha khoa.
- Trong thời gian đầu, hãy cho trẻ sử dụng chỉ nha khoa đối với răng cửa.
- Khi trẻ đã thành thạo trong việc sử dụng chỉ nha khoa với răng cửa thì hãy hướng dẫn trẻ sử dụng tiếp với các răng trong cùng.

아기를 위한 팁

46 안전한 우리집 만들기

47 영유아돌연사증후군 이란

49 모유 먹이기

50 분유수유

50 건강한 이유식

53 어린이 건강·안전·보육·교육관련 사이트 및 전화번호

54 건강한 가정을 위한 정부 지원

Cẩm nang dành cho trẻ

46 Hãy tạo nên một ngôi nhà an toàn

47 Thế nào là hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

49 Cho trẻ bú sữa mẹ

50 Sữa công thức

50 Ăn dặm lành mạnh

53 Số điện thoại và trang web liên quan đến việc chăm sóc an toàn sức khỏe cho trẻ

54 Hỗ trợ của chính phủ vì một gia đình khỏe mạnh

안전한 우리집 만들기

♥ 넘어지고 떨어지는 일을 막으려면?

- 뒤집기를 시작하는 아이를 침대나 의자 같은 곳에 혼자 두지 않습니다.
- 아이가 떨어질 수 있는 곳의 바닥에는 부드럽고 두꺼운 천이나 담요를 깔아둡니다.
- 아이 침대는 안전대가 있는 것으로 사용하고 아이가 침대에 있을 땐 안전대를 올려놓습니다.
- 늘어진 전기코드는 잘 정리하여 걸려서 넘어지지 않게 합니다.
- 창문 근처에 의자나 서랍장 같이 딛고 올라갈 수 있는 물건은 모두 치웁니다.
- 사는 곳이 1층보다 위라면 창문에 안전창틀을 설치합니다.

♥ 이물이 기도나 식도로 넘어가는 일을 막으려면?

- 바둑알, 동전, 땅콩, 단추, 작은 장난감, 풍선, 떡 같이 작고 말랑한 것은 가까이에 두지 않습니다.

♥ 화상이나 감전을 막으려면?

- 조리 중인 부엌에는 아이가 드나들지 못하게 하거나 안전한 곳에 있게 합니다.
- 뜨거운 음식이 담긴 그릇이나 물건의 손잡이는 아이 손이 닿지 않는 방향으로 돌려놓습니다.
- 콘센트에 손가락, 쇠붙이를 집어넣지 못하게 안전장치를 사용합니다.
- 늘어지는 식탁보를 사용하지 않습니다.
- 식탁 가장자리에 뜨거운 물건이나 음식 그릇을 두지 않습니다.

♥ 기타 (욕실과 화장실에서 조심해야 할 일)

- 욕실 문은 항상 닫아 놓습니다.
- 아이 혼자 욕실에서 놀지 않게 합니다.
- 아이가 변기에 빠지지 않도록 변기 뚜껑을 항상 닫아놓습니다.
- 미끄러지지 않게 미끄럼방지 매트나 슬리퍼를 이용합니다.
- 욕조에 먼저 물을 받고 어른이 팔꿈치로 온도를 확인한 뒤 아이를 욕조에 넣습니다.

*질병관리본부 (응급실 손상환자 표본심층조사사업) 제공

Hãy tạo nên một ngôi nhà an toàn

♥ Khi bạn muốn phòng tránh việc trẻ bị ngã?

- Không để trẻ bắt đầu tập bò một mình ở trên giường hay ghế.
- Hãy trải đệm hoặc vải dày ở những nơi trẻ có thể bị ngã.
- Hãy sử dụng giường có thành an toàn cho trẻ, và khi đặt trẻ trên giường hãy kéo thành an toàn ra.
- Hãy sắp đặt dọn dẹp dây điện trong nhà một cách cẩn thận để tránh cho trẻ không bị ngã khi mắc phải.
- Không đặt cạnh cửa sổ những vật có thể trèo lên được như ghế hay tủ nhỏ.
- Lắp đặt cửa sổ an toàn đối với những nơi sống có trên 1 tầng..

♥ Tránh việc trẻ cho những đồ vật lạ lên miệng để ăn?

- Không để những vật nhỏ và mỏng như bóng bay, đồ chơi nhỏ, lạc, đồng xu hay cờ vây xung quanh trẻ.

♥ Phòng tránh việc trẻ bị bỏng hay bị điện giật?

- Không để cho trẻ lại gần xung quanh trong khi bạn đang nấu ăn, hoặc đặt trẻ ở một nơi an toàn.
- Để tay cầm của vật đang nóng hoặc bát đồ ăn của trẻ rời khỏi tầm với của trẻ.
- Hãy sử dụng bảo vệ an toàn dành cho ổ điện để tránh tình trạng trẻ sờ tay vào đó.
- Không sử dụng kiểu bàn ăn cao dần lên.
- Không để thức ăn hoặc đồ vật nóng ở mép của bàn ăn.

♥ Trường hợp khác (những trường hợp cần phải chú ý trong nhà tắm hay nhà vệ sinh)

- Luôn luôn đóng cửa nhà tắm.
- Không để trẻ chơi 1 mình trong nhà tắm.
- Luôn luôn đóng nắp bồn cầu để trẻ không ngã vào bồn cầu.
- Luôn sử dụng dép đi trong nhà tắm để tránh trường hợp bị trượt ngã.
- Trước khi đặt trẻ vào bồn tắm cần phải cho nước vào bồn tắm trước sau đó sử dụng khuỷu tay để cảm nhận độ ấm của nước.

*Cơ quan quản lý bệnh tật cung cấp
(Chương trình điều tra các bệnh nhân bị tổn thương.phòng cấp cứu)

영유아돌연사증후군 이란

사망 당시의 상황 및 현장조사, 그간의 병력검토 및 부검 등 사후검사에서도 사망의 원인을 찾을 수 없는 6세 미만 영유아아의 갑작스러운 죽음을 말합니다.

영유아돌연사증후군의 원인은 아직 밝혀지지 않았지만, 아래와 같이 위험 요인을 피하여야 합니다.

♥ 아기를 똑바로 눕혀 재웁니다.

아기를 똑바로 눕혀 천장을 바라보고 재우고 옆으로 눕히거나 엎드려 재우지 않도록 합니다. 미국 등에서는 똑바로 눕혀 재우는 것이 영아돌연사증후군의 발생 빈도를 감소시킨다고 알려지면서 “똑바로 눕혀 재우기” 캠페인을 벌여 영아돌연사증후군을 40~70%나 감소시켰습니다.

♥ 바닥이 단단한 침구를 이용하여야 합니다.

폭신한 잠자리를 피하며 아기의 요(침구바닥)는 단단하여야 하고 요의 시트도 푹신하지 않게 합니다. 담요를 사용할 경우 얇은 것을 이용하며 자는 중에 아기의 머리가 덮이지 않도록 주의하여야 합니다.
얼굴이 쿠션이나 이불에 파묻히지 않도록 합니다.

♥ 같은 방에서 자되 다른 침대를 사용합니다.

아기와 같은 방에서 함께 자되 같은 요-침대를 사용하여서는 안 됩니다.
여러 명의 아이를 같은 침대에 재우지 않도록 합니다.

♥ 모유 수유를 하여야 합니다.

모유는 아이에게 최상의 식품이며 체내 면역력을 높여줍니다.
모유수유는 영아돌연사증후군의 발생 빈도를 줄여줍니다.
또한 노리개 젖꼭지를 사용할 경우 적어도 생후 1개월이 지난 아이에게 사용하시고 아기를 재울 때에만 사용하는 것이 좋습니다.

Thế nào là hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

Nó đề cập đến cái chết đột ngột của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ dưới 6 tuổi không thể tìm ra nguyên nhân gây tử vong khi thực hiện điều tra tình hình tại thời điểm tử vong, điều tra hiện trường, kiểm tra bệnh sử và khám nghiệm tử thi.

Mặc dù nguyên nhân của hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ chưa được xác định, nhưng nên tránh các yếu tố nguy cơ sau đây.

♥ Cho trẻ nằm ngửa khi ngủ.

Cho trẻ nằm ngửa và nhìn lên trần nhà, không cho trẻ ngủ ở tư thế nằm nghiêng hoặc nằm sấp. Tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác cho thấy rằng ngủ ở tư thế nằm ngửa làm giảm tỷ lệ hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh, và sau khi tung ra chiến dịch "nằm thẳng" đã làm giảm tỷ lệ hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh từ 40~70%.

♥ Sử dụng giường ngủ làm bằng vật liệu cứng.

Tránh dùng bộ giường ngủ mềm và giường của em bé (sàn giường) nên chắc chắn và nệm giường cũng không quá mềm. Khi sử dụng chăn, hãy sử dụng chăn mỏng và chú ý không để chăn che đầu trẻ nhỏ trong khi ngủ. Không được để khuôn mặt của trẻ chôn trong gối hoặc chăn.

♥ Sử dụng giường riêng cho trẻ cho dù ngủ chung một phòng.

Không được sử dụng chung nệm-giường với trẻ cho dù ngủ chung một phòng với trẻ.

Không được cho nhiều trẻ cùng ngủ trên một giường.

♥ Phải cho trẻ bú mẹ.

Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho trẻ và làm tăng hệ miễn dịch của trẻ.

Cho bú sữa mẹ sẽ làm giảm tần suất phát sinh hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh.

Ngoài ra, nếu bạn sử dụng núm vú giả , thì nên dùng khi bé ít nhất được một tháng tuổi và tốt nhất là chỉ sử dụng khi ru bé ngủ.

영유아돌연사증후군 이란

♥ 금연하여야 합니다.

임신 중의 흡연은 태아에 대한 직·간접 흡연으로 이어져 영아돌연사증후군의 발생률을 높일 수 있습니다.

♥ 방안 온도가 너무 덥지 않게 적당한 온도를 유지하여야 합니다.

♥ 아기를 옷이나 침구류로 너무 감싸는 것은 좋지 않습니다.

♥ 적당한 실내 온도를 유지합니다.

♥ 흔들린 아기 증후군

– 아기를 안고 심하게 흔들면 뇌혈관 손상으로 인한 뇌출혈과 망막출혈이 발생하여 치명적인 결과가 발생할 수 있으므로 주의해야 합니다.



Thế nào là hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ

♥ Không được hút thuốc lá.

Hút thuốc trong thời kỳ mang thai sẽ dẫn đến việc thai nhi hút thuốc trực tiếp và gián tiếp, do đó có thể làm tăng tỷ lệ phát sinh hội chứng đột tử ở trẻ sơ sinh.

♥ Nhiệt độ phòng nên được duy trì ở nhiệt độ vừa phải để không bị quá nóng.

♥ Không tốt khi quấn bé với nhiều quần áo hoặc các loại chăn mền.

♥ Duy trì nhiệt độ phòng thích hợp.

♥ Chứng đung đưa khi bế trẻ

- Trong quá trình bế trẻ cần chú ý nếu bạn đung đưa quá mạnh sẽ gây ra hiện tượng tổn thương mạch máu não dẫn đến xuất huyết não hoặc xuất huyết võng mạng dẫn đến tình trạng nguy hiểm đế tính mạng.



모유 먹이기

♥ 모유의 장점

❶ 모든 영양소가 충분히 포함되어 있는 이상적인 영양공급원입니다.
❷ 초유의 면역성분이 아기를 질병으로부터 보호합니다.
❸ 산후 회복이 빠르며 아기와 엄마가 친밀한 관계를 형성합니다.
❹ 모유를 먹은 아기의 두뇌 발달이 더 빠릅니다(분유 수유아보다 IQ가 5~7정도 더 높습니다).

♥ 모유 수유의 올바른 자세

엄마는 편안한 자세로 앉아서 아기의 눈을 바라보며 수유합니다.

♥ 모유 수유 방법

❶ 출산 후 젖이 돌지 않더라도 24시간 이내 2~3시간 간격으로 젖을 물립니다. 젖이 잘 나올 때까지 수유시간은 한 쪽에 5~15분 정도로 합니다.
❷ 초유는 반드시 먹이도록 하며 출산 후 바로 젖을 먹이지 못할 때는 초유는 2~3시간 간격으로 짜서 냉장 또는 냉동 보관하였다가 먹입니다.
❸ 아기는 모유를 약 한 시간 반이면 소화해 냅니다. 신생아는 2~3시간 간격, 하루 8~12회 아기에게 젖을 빨리고 삼킨 공기를 제거할 수 있도록 등을 쓸어 트림을 시킵니다.

♥ 모유 보관

우유병에 모유를 짜낼 경우 소독한 병에 반드시 날짜와 시간을 표시해 놓고, 즉시 냉장고에 보관하여 24시간 이내에 먹입니다.

♥ 모유중단

아기에게 모유만큼 좋은 것은 없습니다. 모유를 떼고 인공 수유로 넘어갈 때는 한 달 정도 여유를 두고 약 1주일에 1~2회 정도 모유 주는 횟수를 줄여 갑니다.

♥ 모유수유 권장기간

생후 최소 4개월 이상, 가능하다면 6개월까지 완전 모유수유를 권장

Cho trẻ bú sữa mẹ

♥ Những ưu điểm của việc cho trẻ bú sữa mẹ

❶ Là nguồn cung cấp dinh dưỡng đầy đủ tất cả các thành phần dinh dưỡng
❷ Sữa đợt đầu có chứa thành phần miễn dịch giúp bảo vệ cho trẻ tránh được khả năng mắc bệnh
❸ Sau khi sinh con, nếu sản phụ hồi phục sức khỏe nhanh sẽ giúp cho mối quan hệ mẹ con trở nên thân thiết hơn
❹ Sự phát triển não bộ của trẻ bú sữa mẹ nhanh hơn (IQ cao hơn trẻ ăn sữa công thức khoảng 5~7 điểm)

♥ Tư thế cho bú sữa đúng

Tư thế cho bú sữa đúng

♥ Phương pháp cho trẻ bú

❶ Sau khi sinh con dù có ra sữa nhưng trong vòng 24 giờ đầu cứ khoảng 2~3 tiếng sữa sẽ ngừng ra. Vì vậy cho đến khi sữa ra ra đều thì mỗi lần cho bú sữa mỗi bên khoảng từ 5~15 phút.
❷ Nên cho trẻ bú sữa đầu, còn nếu sau khi sinh mà chưa cho trẻ bú ngay được thì cứ cách khoảng 2~3 tiếng vắt sữa ra và cho bảo quản bảo lạnh và cho trẻ bú sau.
❸ Sau khoảng 1 tiếng rưỡi thì cho trẻ bú.Trẻ sơ sinh được cho bú 8~12 lần một ngày, mỗi lần cách nhau 2 đến 3 giờ. Cần vuốt cho trẻ ợ để loại bỏ không khí nuốt vào.

♥ Bảo quản sữa mẹ

Trong trường hợp cho sữa mẹ vào bình sữa thì cần phải ghi rõ thời gian, ngày giờ trên bình sữa đã được khử trùng, cho ngay vào tủ lạnh để bảo quản và phải cho trẻ bú trong vòng 24 tiếng.

♥ Dừng cho bú sữa mẹ

Nếu chỉ cho trẻ uống riêng sữa mẹ thì không hẳn là tốt. Sau thời gian khoảng 1 tháng cần cho trẻ ăn thêm sữa ngoài, bằng cách 1 tuần sẽ giảm 1 lần trong số lần cho trẻ bú sữa mẹ.

♥ Thời gian cho trẻ bú sữa mẹ được khuyến khích

Ít nhất trên 4 tháng sau khi sinh, nếu có thể thì khuyến khích cho trẻ bú mẹ hoàn toàn cho đến 6 tháng.

분유수유

♥ 분유를 타는 물은 섭씨 100도의 끓는 물로 타서 아기에게 먹일 때에 체온 정도의 온도로 식혀서 먹이시는 것이 좋습니다.

♥ 분유병에 탄 분유는 먹다가 1시간이 지나면 상할 수 있으므로 버립니다.

♥ 분유를 똑바로 누워서 먹이시면 귀에 압력이 증가되어 귀를 만지거나 중이염이 생길 위험이 있으므로, 밤에 먹일 때에도 상체를 조금 세워서 먹이시는 것이 좋습니다.

건강한 이유식

♥ 편식은 당연해요

❶ 이유식을 늦게 시작하고, 다양한 식품을 경험해보지 못하면 편식할 수 있어요. 적기에 이유식을 시작하고, 다양한 식재료를 활요한 이유식을 경험하게 해주세요.

▶ 적절한 이유식 시작시기

- 생후 4~6개월 경
- 혀로 스푼을 밀어내지 않을 때
- 체중이 약 7kg이상 되었을 때(태어날 때 체중의 2배 이상)
- 어른이 밥을 먹을 때 관심을 보이고 입을 움직일 때

❷ 새로운 식품에 대한 두려움을 느끼는 시기이므로 당연히 편식할 수 있어요, 인내심을 가지고 반복적으로 경험하게 해주세요

❸ 유아는 식품의 맛, 향, 온도, 질감, 모양 등에 민감하고 까다롭습니다. 유아가 좋아하는 형태와 맛으로 만들어주세요

❹ 부모님이 싫어하면 아이도 싫어합니다. 부모님이 좋은 모델이 되어주세요

Sữa công thức

♥ Sữa bột nên được pha với nước đun sôi đến 100 độ C, và làm nguội đến nhiệt độ cơ thể rồi khi cho bé ăn

♥ Sữa bột ăn dở được pha trong bình sữa nên đổ bỏ đi sau 1 tiếng vì có thể bị thiu.

♥ Nếu bạn cho bé nằm ngửa để ăn sữa bột, áp lực sẽ dồn lên tai của bạn bé, điều này có thể khiến bé chạm vào tai hoặc phát triển viêm tai giữa nên ngay cả khi cho bé ăn vào ban đêm, bạn nên dựng người bé lên một chút để cho ăn.

Ăn dặm lành mạnh

♥ Trẻ kén ăn là đương nhiên

❶ Nếu bạn bắt đầu cho bé ăn dặm muộn và không cho bé nếm thử nhiều loại thức ăn đa dạng thì bé có thể kén ăn. Do đó hãy bắt đầu cho bé ăn dặm vào đúng thời điểm và ăn những loại đồ ăn dặm sử dụng nguyên vật liệu đa dạng.

▶ **Thời điểm thích hợp để bắt đầu cho trẻ ăn dặm**

- Sau khi sinh từ 4~6 tháng
- Khi bé không dùng lưỡi để đẩy thìa ra
- Khi cân nặng của bé từ 7kg trở lên (cân nặng gấp đôi so với cân nặng khi mới sinh ra).
- Khi bé tỏ ra quan tâm và cử động miệng khi nhìn thấy người lớn ăn cơm.

❷ Vì đây là thời kỳ bé cảm thấy sợ hãi về những loại đồ ăn mới nên đương nhiên bé có thể kén ăn, do đó bạn nên kiên nhẫn và cho bé ăn thử lặp đi lặp lại nhiều lần.

❸ Trẻ nhỏ thường nhạy cảm với vị, mùi hương, nhiệt độ, kết cấu và hình dạng của thức ăn. Do đó bạn hãy làm thức ăn có hình dạng và hương vị mà trẻ thích.

❹ Nếu cha mẹ ghét thì trẻ cũng sẽ ghét. Do đó cha mẹ hãy trở thành người làm gương tốt.

♥ 성장부진, 잘 먹지 않아 걱정이에요

성장부진의 판정 기준: 한국 표준성장도표에서 신장과 체중이 각각 5백분위 미만인 경우

❶ 식사시간을 즐거운 시간으로 만들어주세요

❷ 소화, 흡수가 쉬운 조리법을 선택해주세요

❸ 다양한 식품군을 활용한 식단으로 고른 영양소를 섭취하도록 해주세요

❹ 특히, 칼슘의 공급이 부족하지 않도록 해주세요

♥ 빈혈을 쉽게 넘기지 마세요

❶ 다양한 식품을 적정량 먹도록 합니다. 육류 섭취가 중요합니다.

❷ 특히, 철(Fe)의 공급이 부족하지 않도록 해주세요.

♥ 과체중, 미리미리 챙겨요

❶ 체중 감량이 아닌 체중 유지에 목표를 두세요.

❷ 간식의 종류와 양에 주의하여 제공합니다.

❸ 빨리 먹거나, 몰아서 먹지 않게 해주세요.

❹ 과체중 유아라도 고른 영양섭취는 필수입니다.

♥ 식품알레르기, 제대로 알고 관리해요.

❶ 식품알레르기 원인식품을 정확히 진단 받습니다.

❷ 알레르기 원인식품과 관련 식품만을 골라서 피해주세요

❸ 새로운 식품에 노출된 후 반응을 잘 관찰해주세요

♥ Lo lắng nếu trẻ không ăn tốt thì sẽ chậm phát triển.

Tiêu chuẩn đánh giá cho việc chậm phát triển: Trường hợp ở dưới mức 5% về tăng trưởng chiều cao và cân nặng theo biểu đồ tăng trưởng tiêu chuẩn của Hàn Quốc.

❶ Hãy biến thời gian dùng bữa của trẻ thành thời gian vui vẻ.

❷ Hãy sử dụng phương pháp nấu ăn giúp trẻ dễ tiêu hóa, hấp thụ.

❸ Dùng thực đơn sử dụng nhiều nhóm thực phẩm khác nhau để giúp trẻ hấp thụ đồng đều các chất dinh dưỡng.

❹ Đặc biệt phải đảm bảo cho trẻ được cung cấp đầy đủ canxi.

♥ Không nên xem thường việc thiếu máu.

❶ Ăn đa dạng thực phẩm với lượng vừa phải. Việc ăn thịt rất quan trọng.

❷ Đặc biệt phải đảm bảo cho trẻ được cung cấp đầy đủ chất sắt.

♥ Thừa cân, hãy chuẩn bị trước.

❶ Hãy đặt mục tiêu duy trì cân nặng chứ không phải là giảm cân nặng.

❷ Chú ý liều lượng các loại thức ăn nhẹ rồi mới cho trẻ ăn.

❸ Không để cho trẻ ăn quá nhanh hoặc ăn dồn.

❹ Cho dù là trẻ thừa cân, thì cũng cần hấp thụ đồng đều các loại dinh dưỡng.

♥ Dị ứng thực phẩm, hiểu biết và quản lý đúng cách.

❶ Đến bệnh viện để được chẩn đoán chính xác, thực phẩm nào là nguyên nhân gây dị ứng thực phẩm.

❷ Tránh lựa chọn các sản phẩm là nguyên nhân gây dị ứng và các sản phẩm liên quan.

❸ Quan sát phản ứng sau khi tiếp xúc với các loại thực phẩm mới.

어린 아기에게는 벌꿀을 먹이지마세요

생후 12개월 미만의 아기에게 **벌꿀**을 먹이면
'영아 보툴리누스증(Infant Botulism)' 식중독에
걸릴 위험이 있어 부모님이나 아기돌보미의
각별한 주의가 요구됩니다.



벌꿀은 꿀벌들이 꽃꿀, 수액 등을
채집하여 벌집에 저장한 것을
채밀한 자연식품이기 때문에
보툴리누스균에 오염되어 있을 수 있습니다.

보툴리누스균의 포자는 열에 매우 강해
일반적인 조리법으로 사멸되지 않으므로
'영아 보툴리누스증' 예방을 위해
어린 아기에게는 벌꿀을 먹이지 않도록 주의해야 합니다.

(1세 미만 영아를 제외한 다른 연령층은 벌꿀 섭취를 제한할 필요는 없습니다.)

* '영아 보툴리누스증'이란 1세 미만의 영아에서 발생하는 질병으로 원인체인 '보툴리누스균(Clostridium botulinum)'의 포자가 소화기능이 발달하지 않은 영아의 장관에서 살아남아 발아·증식하고 신경독소(neurotoxin)를 생성하여 심할 경우 사망에 이르는 치명적인 식중독이며, 오염된 벌꿀의 섭취가 주요 원인으로 보고되고 있다.

※ International Programme on Chemical Safety. Poisons Information Monograph 858, Clostridium botulinum(2002, WHO)

식품의약품안전처

Không cho trẻ nhỏ ăn mật ong

Nếu bạn cho trẻ dưới 12 tháng ăn **mật ong**, nó có thể gây ngộ độc thức ăn được gọi là **'bệnh ngộ độc ở trẻ sơ sinh (Infant Botulism)'.** Vì vậy, yêu cầu sự chú ý đặc biệt của cha mẹ và người chăm sóc của trẻ.



Vì mật ong là một loại thực phẩm tự nhiên được lấy từ tổ ong, do ong mật thu thập mật từ mật hoa, chất lỏng... và giữ mật trong tổ ong, vì vậy nó có thể bị nhiễm vi khuẩn clostridium botulinum.

Các bào tử của vi khuẩn clostridium botulinum chịu được nhiệt độ nóng và do đó bạn không thể loại bỏ chúng bằng các phương pháp nấu bình thường. Vì vậy, **bạn nên cẩn thận không cho trẻ nhỏ ăn** mật ong để ngăn ngừa 'bệnh ngộ độc ở trẻ sơ sinh'.

(Không cần hạn chế dùng mật ong đối với trẻ lớn, ngoại trừ trẻ dưới 1 tuổi)

* 'Botulinum ở trẻ sơ sinh' là một bệnh xuất hiện ở trẻ em dưới 1 tuổi, nguyên nhân là do các bào tử của ' vi khuẩn Botulinum (***Clostridium botulinum***)' sống sót, nảy mầm và phát triển trong ruột, do chức năng tiêu hóa chưa phát triển đầy đủ của trẻ nhỏ và tạo ra một chất độc thần kinh (neurotoxin), có thể dẫn đến tử vong trong trường hợp nặng do ngộ độc thức ăn mang tính chết người và được báo cáo nguyên nhân chủ yếu là do dùng mật ong bị nhiễm khuẩn.

※ International Programme on Chemical Safety. Poisons Information Monograph 858, Clostridium botulinum(2002, WHO)

식품의약품안전처

어린이 건강·안전·보육·교육관련 사이트 및 전화번호

사이트명	사이트 주소	운영기관	전화번호
건 강			
임신·육아 종합포털 (아이사랑사이트)	http://www.childcare.go.kr	보건복지부	1644-7373 1644-7382
질병관리본부	http://www.cdc.go.kr	질병관리본부	1339
예방접종도우미	http://nip.cdc.go.kr	질병관리본부	043-719-6850
국민건강보험공단	http://www.nhis.or.kr	국민건강보험공단	1577-1000
인구보건복지협회	http://www.ppfk.or.kr	인구보건복지협회	02-2639-2865
한국건강증진개발원	http://www.khealth.or.kr	한국건강증진개발원	02-3781-3500
대한소아과학회	http://www.pediatrics.or.kr	대한소아과학회	02-3473-7305
대한소아응급의학회	http://www.kspem.org/	대한소아응급의학회	02-3674-7888
안 전			
행정안전부	http://www.mois.go.kr	행정안전부	02-2100-3399
어린이안전넷	http://www.isafe.go.kr	한국소비자원	043-880-5500
한국생활안전연합	http://www.safia.org	한국생활안전연합	02-3476-0119
응급의료포털	http://www.e-gen.or.kr/	중앙응급의료센터	02-6362-3434
실종아동전문기관	http://www.missingchild.or.kr	어린이재단	02-777-0182
보 육			
중앙육아종합지원센터	http://central.childcare.go.kr	중앙육아종합지원센터	02-701-0431
교 육			
국립특수교육원	http://www.nise.go.kr	국립특수교육원	041-537-1500
원격교육연수원	http://iedu.nise.go.kr	국립특수교육원	041-537-1475

Số điện thoại và trang web
liên quan đến việc chăm sóc an toàn sức khỏe cho trẻ

Tên trang web	Địa chỉ trang web	Cơ quan điều hành	Số điện thoại liên lạc
Sức khỏe			
Cổng thông tin điện tử tổng hợp về mang thai và nuôi dạy con (Trang web)	http://www.childcare.go.kr	Bộ phúc lợi xã hội	1644-7373 1644-7382
Cơ quan quản lý bệnh truyền nhiễm	http://www.cdc.go.kr	Cơ quan quản lý bệnh truyền nhiễm	1339
Giúp đỡ tiêm phòng	http://nip.cdc.go.kr	Cơ quan quản lý bệnh truyền nhiễm	043-719-6850
Cơ quan bảo hiểm sức khỏe người dân	http://www.nhis.or.kr	Cơ quan bảo hiểm sức khỏe người dân	1577-1000
Hiệp hội phúc lợi y tế dân số	http://www.ppfk.or.kr	Hiệp hội phúc lợi y tế dân số	+82-2-2639-2865
Viện nâng cao sức khỏe Hàn Quốc	http://www.khealth.or.kr	Viện nâng cao sức khỏe Hàn Quốc	+82-2-3781-3500
Hội khoa học trẻ em Hàn quốc	http://www.pediatrics.or.kr	Hội khoa học trẻ em Hàn quốc	+82-2-3473-7305
Hội y học cấp cứu nhi khoa Hàn Quốc	http://www.kspem.org/	Hội y học cấp cứu nhi khoa Hàn Quốc	+82-2-3674-7888
An toàn			
Bộ an toàn hành chính	http://www.mois.go.kr	Bộ an toàn hành chính	+82-2-2100-3399
Net an toàn dành cho trẻ em	http://www.isafe.go.kr	Viện người tiêu dùng Hàn Quốc	+82-43-880-5500
Liên hiệp an toàn sinh hoạt Hàn Quốc	http://www.safia.org	Liên hiệp an toàn sinh hoạt Hàn Quốc	+82-2-3476-0119
Cổng thông tin điện tử về cấp cứu y tế	http://www.e-gen.or.kr/	Trung tâm y tế cấp cứu trung ương	+82-2-6362-3434
Cơ quan chuyên môn về trẻ thất lạc	http://www.missingchild.or.kr	Liên đoàn vì trẻ em	+82-2-777-0182
Chăm sóc			
Trung tâm hỗ trợ tổng hợp trung ương trẻ em	http://central.childcare.go.kr	Trung tâm hỗ trợ tổng hợp trung ương trẻ em	+82-2-701-0431
Giáo dục			
Viện Giáo dục đặc biệt quốc gia	http://www.nise.go.kr	Viện Giáo dục đặc biệt quốc gia	+82-41-537-1500
Viện Giáo dục đào tạo từ xa	http://iedu.nise.go.kr	Viện Giáo dục đặc biệt quốc gia	+82-41-537-1475

건강한 가정을 위한 정부 지원

♣ 아동 성장 단계별 지원

2019년 7월 기준

지원사업	대상기준	신청장소	비고
선천성대사이상 검사 (50여종) 및 환아관리	검사 : 모든 신생아 환아지원 : 만 19세 미만 전 환아	검사 (의료기관) 환아관리(보건소)	
미숙아 및 선천성 이상아 의료비 지원	기준중위소득 180%이하 가구의 미숙아 출산 가정	보건소	
신생아 청각 선별 검사비, 보청기 지원	기준중위소득 180%이하 가구	보건소	
전기요금 30% 감액 (출생일부터 3년이 되는 날이 속하는 월분까지)	출생일로부터 3년 미만인 영아가 포함된 가구	한전고객센터 (☎123) 아파트관리사무소 한전 사이버지점 (http://cyber.kepco.co.kr/)	월 16,000원 한도 할인 (신청일이 속하는 전기요금 월분부터 적용)
저소득층 기저귀 조제분유 지원	(기저귀) 만 2세 미만의 영아를 둔 기초생활보장, 차상위계층, 한부모가족 수급 가구 (조제분유) 기저귀 지원대상 중 산모가 질병·사망으로 모유수유가 불가능한 경우 등으로 한정 * 보건소, 주민센터, 복지로(bokjiro.go.kr)		(기저귀) 월 64,000원 (기저귀+조제분유) 월 150,000원
가정양육수당 지원	취학전 만 86개월 미만 가정 양육아동 전 계층	읍·면·동 주민센터, 복지로 (online.bokjiro.go.kr)	월 10~20만원/인
보육료 지원	어린이집을 이용하는 0~5세아 가정		월 22만원~45.4만원/인
아동수당 지원	만 6세 미만 모든 아동 ('19.9월부터 만7세 미만 모든 아동)		아동 1인당 월10만원
유아학비 지원 (누리과정)	유치원에 다니는 만 3세~5세아 (지원기간: 3년간)	유아의 보호자 또는 해당 유아를 사실상 보호하고 있는 자가 유아의 주민등록상 주소지 관할 읍·면·동 주민센터 방문 또는 온라인 신청(복지로)	※ 지원규모(1인당 매 월) 〈국·공립유치원〉 - 유아학비 6만원 - 방과후과정비 5만원 〈사립유치원〉 - 유아학비 22만원 - 방과후과정비 7만원
아이돌봄 서비스 지원	(시간제) 3개월~만12세 아동 (영아종일제) 3개월~ 36개월 아동	아이돌봄 홈페이지 (idolbom.go.kr) * 정부지원이 필요한 경우 읍·면·동 주민센터	대표번호 1577-2514
국가예방접종	만 12세이하 어린이 (백신별 대상자는 상이하므로, 예방접종도우미 사이트 참조)	보건소, 위탁의료기관	예방접종도우미 사이트에서 의료기관 조회
영유아 건강검진	생후 4개월~71개월 영유아 건강보험 가입자와 피부양자 및 의료급여 수급권자	건강검진기관	국민건강보험공단 홈페이지에서 검진기관 조회

Hỗ trợ của chính phủ vì một gia đình khỏe mạnh

♣ Hỗ trợ theo mỗi giai đoạn phát triển của trẻ

Tính đến tháng 7 năm 2019

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Kiểm tra các biến chứng bẩm sinh (khoảng 50 loại) và chăm sóc trẻ nhỏ	Kiểm tra: tất cả trẻ em Hỗ trợ trẻ nhỏ : trẻ em dưới 19 tuổi	Kiểm tra (Cơ quan y tế) Chăm sóc trẻ nhỏ (Trạm y tế)	
Hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ sinh thiếu tháng và trẻ bị bệnh bẩm sinh	Gia đình có trẻ sinh thiếu tháng, thuộc hộ gia đình có thu nhập dưới 180% thu nhập trung bình tiêu chuẩn.	Trạm y tế	
Hỗ trợ chi phí kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh và máy trợ thính	Hộ gia đình có thu nhập dưới 180% thu nhập trung bình tiêu chuẩn	Trạm y tế	
Giảm 30% tiền điện (Bắt đầu tính từ ngày sinh ra cho đến tháng có ngày mà tính tới ngày đó là tròn 3 năm)	Gia đình có con nhỏ hơn 3 tuổi	Trung tâm khách hàng KEPCO (☎123) Văn phòng quản lý chung cư Chi nhánh KEPCO trực tuyến (http://cyber.kepco.co.kr/)	Giảm giá tối đa 16,000 won/ tháng (Áp dụng cho hóa đơn điện từ tháng có ngày đăng ký)
Hỗ trợ tã trẻ em cho các gia đình có thu nhập thấp Hỗ trợ sữa bột dành cho trẻ em	(Bỉm) Hộ gia định nhận trợ cấp sinh hoạt cơ bản, hộ gia đình cận gia đình nhận trợ cấp sinh hoạt cơ bản, cha mẹ đơn thân có trẻ dưới 2 tuổi (Sữa công thức) Trường hợp không thể cho con bú sữa mẹ do sản phụ mắc bệnh hoặc tử vong trong số các hộ được hỗ trợ bỉm * Trạm y tế, ủy ban phường, đăng ký trực tuyến qua Bokjiro (bokjiro.go.kr)		(Bỉm) 64.000 won/tháng (Bỉm + sữa công thức) 150.000 won/tháng
Hỗ trợ tiền trợ cấp nuôi dưỡng gia đình	Dưới 86 tháng tuổi, trước khi đi học Tất cả các gia đình đang nuôi dưỡng con nhỏ	Phúc lợi từ trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường (online.bokjiro.go.kr)	100.000~200.000 Won/ tháng/ người
Hỗ trợ chi phí giáo dục	Gia đình có trẻ từ 0~5 tuổi đang gửi ở nhà trẻ		220.000~454.000 Won/ tháng/ người
Hỗ trợ trợ cấp cho trẻ em	Tất cả trẻ em dưới 6 tuổi (Tất cả trẻ em từ 19,9 tháng đến 7 tuổi)		Mỗi trẻ sẽ nhận được 100.000 won/tháng.
Hỗ trợ tiền học phí (Chương trình Nuri)	Trẻ từ 3~5 tuổi đang đi nhà trẻ (thời gian hỗ trợ: trong vòng 3 năm)	Người giám hộ của trẻ hoặc người giám hộ trên thực tế của trẻ đến ủy ban phường, thị trấn có thẩm quyền quản lý nơi cư trú trên đăng ký công dân của trẻ hoặc đăng ký trực tuyến	Hạn mức hỗ trợ (1 người hàng tháng) <Trường mẫu giáo công lập, quốc lập> - Học phí cho trẻ sơ sinh 60.000 won - Chi phí học thêm sau giờ học chính quy 50.000 won <Trường mẫu giáo tư thục> - Học phí cho trẻ sơ sinh 220.000 won - Chi phí học thêm sau giờ học chính quy 70.000 won
Hỗ trợ dịch vụ chăm sóc trẻ	(Part-time) Trẻ từ 3 tháng tuổi~12 tuổi (Full-day) Trẻ từ 3 tháng tuổi~36 tháng tuổi	Trang web chăm sóc trẻ (idolbom.go.kr) *Liên lạc đến trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường trong trường hợp cần sự hỗ trợ của chính phủ	Số điện thoại đại diện 1577-2514
Tiêm chủng quốc gia bắt buộc	Trẻ dưới 12 tuổi (Vì đối tượng của mỗi loại vắc xin là khác nhau nên hãy tham khảo trang web hỗ trợ tiêm phòng).	Trạm y tế, cơ quan y tế được ủy thác	Người giúp đỡ trong tiêm chủng phòng bệnh. Kiểm tra các cơ quan y tế trên trang web
Kiểm tra sức khỏe trẻ nhỏ	Người tham gia bảo hiểm y tế cho trẻ từ 4 tháng tuổi ~ 71 tháng tuổi, người phụ thuộc và người được chi trả trợ cấp y tế	Cơ quan kiểm tra sức khỏe	Công đoàn bảo hiểm sức khỏe người dân Kiểm tra các cơ quan y tế trên trang web

♣ 부모 및 가구특성별 지원

● 가임기 및 임산부

지원사업	대상기준	신청장소	비고
난임부부 시술비 지원	여성 연령 만 44세 이하, 기준중위소득 180% 이하 및 기초생활보장수급자	보건소	인공수정, 체외수정 시술비 중 비급여 및 본인부담금 지원 1회당 최대 50만원 신선 4회, 동결 3회, 인공 3회
임신·모유수유 약물상담	모든 가임기 여성	마더세이프 전문상담센터	1588-7309
고위험 임산부 의료비 지원	기준 중위소득 180% 이하 가구의 11대 고위험 임신질환으로 진단받고 입원치료 받은 임산부	11대 고위험 임신질환 : 조기진통, 분만관련 출혈, 중증 임신중독증, 양막의 조기파열, 태반 조기박리, 전치태반, 절박유산, 양수과다증, 양수과소증, 분만전 출혈, 자궁경부무력증 *보건소에서 신청	
임신·출산 진료비 지원	임신·출산이 확인된 건강보험가입자 또는 피부양자, 1세 미만의 가입자 또는 피부양자의 법정대리인	건강보험공단, BC카드, 롯데카드,삼성카드 (방문,전화,홈페이지,어플)	*지원규모 1인당 60만원 다태아 100만원 (분만취약지 20만원 추가지원)
의료급여 임신·출산 진료비 지원	의료급여 수급권자 중 임신 중이거나 출산(유산 및 사산 포함)한 수급권자 및 출생일로부터 1년 이내의 영아	시군구청 / 읍면동사무소	
산모·신생아 건강관리 서비스	(기본지원) 산모 및 배우자 등 해당 가구의 건강보험료 본인부담금 합산액이 기준 중위소득 100%이하 금액에 해당하는 출산가정 (예외지원) 소득기준을 초과하더라도 지자체가 별도 기준을 정해 지원 가능	보건소, 복지로 (online.bokjiro.go.kr)	■ 출산일 이후 30일까지 신청 가능 ■ 출산형태, 이용기간 등에 따라 서비스가격, 본인 부담금 상이 ■ 예외지원 대상여부는 관할 시·군·구 보건소에 문의 필요
청소년산모 임신·출산 의료비 지원	만 18세 이하 산모	사회서비스 전자 바우처 홈페이지 (www.socialservice.or.kr)	지원금액 : 임신 1회 당 120만원
영양플러스	기준 중위소득 80% 미만, 임신·출산·모유수유부, 영양 위험요인 보유	보건소	
임신·출산·육아 정보제공 및 상담 서비스	모든 임산부	인터넷(www.childcare.go.kr) / 전화(1644-7373)	
철분제 지원	임신 16주 이상 보건소 등록 임산부	보건소	1인 1개월분 기준 5개월분
엽산제 지원	보건소 등록 모든 임산부 (임신 일로부터 3개월까지)	보건소	1인 1개월분 기준 최대 3개월분
의료기관외 출산시 출산비 지급	의료기관 외 출산산모	국민건강보험공단 (☎1577-1000)	25만원
출산비용 지원	출산한 기초생활수급자 (생계, 의료, 주거급여) 및 긴급복지지원 대상자	주민센터	아이 1인당 60만원

♣ Chính sách hỗ trợ cho cha mẹ và hộ gia đình theo đặc điểm gia đình

● Phụ nữ trong độ tuổi sinh sản, phụ nữ mang thai và mới sinh con

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Hỗ trợ chi phí phẫu thuật cho vợ chồng hiếm muộn.	Phụ nữ có độ tuổi dưới 44 tuổi Thu nhập dưới 180% thu nhập trung bình tiêu chuẩn Người được chi trả trợ cấp y tế	Trạm y tế	Hỗ trợ tối đa 500.000 won mỗi 1 lần cho chi phí không được chi trả bảo hiểm và chi phí do bản thân tự chi trả trong chi phí thụ tinh nhân tạo và thụ tinh ống nghiệm. Cấy phôi tươi 4 lần, cấy phôi đông lạnh 3 lần, thụ tinh nhân tạo 3 lần
Tư vấn sử dụng thuốc trong quá trình mang thai và cho con bú, tư vấn kế hoạch mang thai, tư vấn dưỡng thai khỏe mạnh	Tất cả phụ nữ trong thời kì có khả năng thụ thai	An toàn cho bà mẹ Trung tâm tư vấn chuyên môn	1588-7309
Hỗ trợ chi phí y tế cho phụ nữ mang thai có độ nguy cơ cao	Hộ gia đình có thu nhập dưới 180% so với mức thu nhập trung bình tiêu chuẩn, trong gia đình có phụ nữ mang thai được chẩn đoán là mắc một trong 11 chứng bệnh có nguy cơ mắc phải cao trong thời kỳ mang thai và phải nhập viện để điều trị.	11 bệnh có nguy cơ cao khi mang thai: chuyển dạ sớm, băng huyết, nhiễm độc mang thai, vỡ ối sớm, bong nhau thai sớm, nhau tiền đạo, dọa sẩy thai, đa ối, thiểu ối, xuất huyết trước sinh, bất túc cổ tử cung * Đăng ký tại Trạm y tế	
Hỗ trợ chi phí chẩn đoán, chữa trị trong quá trình mang thai và sinh nở	Người tham gia bảo hiểm y tế hoặc người phụ thuộc được xác nhận có thai và sinh con, đại diện hợp pháp của người tham gia bảo hiểm hoặc người phụ thuộc dưới 1 tuổi	Tổng công ty bảo hiểm y tế, Thẻ BC, Thẻ Lotte, Thẻ Samsung (tới trực tiếp, gọi điện thoại, truy cập trang web, ứng dụng)	Hạn mức hỗ trợ: 600 ngàn won/ người, đa thai: 1 triệu won (hỗ trợ thêm 200 ngàn won cho khu vực khó tiếp cận trung tâm đỡ đẻ)
Tiền trợ cấp y tế Hỗ trợ chi phí chẩn đoán, chữa trị trong quá trình mang thai và sinh nở	Người nhận trợ cấp y tế đang mang thai hoặc sinh con (bao gồm sẩy thai và thai chết lưu) và trẻ sơ sinh trong vòng 1 năm kể từ ngày sinh	Ủy ban thành phố, huyện, quận/ấp, xã, phường	
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho sản phụ và trẻ sơ sinh	Gia đình có con mới chào đời có tổng khoản tiền thanh toán cho bảo hiểm sức khoẻ của vợ và chồng... dưới 100% thu nhập trung bình tiêu chuẩn (Hỗ trợ ngoại lệ) Mặc dù vượt quá tiêu chuẩn về thu nhập nhưng nếu chính quyền địa phương có quy định riêng thì vẫn được hỗ trợ	Trạm y tế hoặc trang web Bokjiro (online.bokjiro.go.kr)	■Có thể đăng ký từ sau ngày sinh đến ngày thứ 30 ■Giá dịch vụ và chi phí bản thân tự chi trả có thể khác nhau tùy theo hình thức sinh con, thời gian sử dụng
Hỗ trợ chi phí y tế trong quá trình mang thai, sinh nở cho sản phụ thanh thiếu niên	Sản phụ dưới 18 tuổi	Trang web dịch vụ xã hội điện tử (www.socialservice.or.kr)	Mức hỗ trợ: 1.200.000 won mỗi 1 lần mang thai
Bổ trợ dinh dưỡng	Dưới 80% so với mức thu nhập trung bình tiêu chuẩn, phụ nữ mang thai, phụ nữ mới sinh, phụ nữ đang cho con bú có nguy cơ thiếu dinh dưỡng	Trạm y tế	
Dịch vụ cung cấp thông tin và tư vấn về việc mang thai, sinh nở và nuôi con	Tất cả mọi phụ nữ mang thai	Trang web (www.childcare.go.kr)/ Điện thoại (1644-7373/1644-7382)	
Chương trình hỗ trợ chất sắt	Phụ nữ mang thai trên 16 tuần đã đăng ký ở trạm y tế	Trạm y tế	Phần 1 tháng/ người, tiêu chuẩn nhận được trong 5 tháng
Hỗ trợ thuốc axit folic	Tất cả phụ nữ mang thai đã đăng ký ở trạm y tế(bắt đầu từ ngày mang thai đến thai kỳ tháng thứ 3)	Trạm y tế	Phần 1 tháng/ người, tiêu chuẩn cao nhất nhận được trong 3 tháng
Khi sinh con ngoài cơ sở y tế Hỗ trợ chi phí sinh đẻ	Sản phụ sinh con ngoài cơ sở y tế	Chi nhánh cơ quan bảo hiểm sức khỏe (☎1577-1000)	250 ngàn won
Hỗ trợ chi phí sinh con	Người nhận trợ cấp sinh hoạt cơ bản (sinh hoạt phí, y tế, trợ cấp nhà ở) và người thuộc đối tượng trợ cấp phúc lợi khẩn cấp sinh con	Trung tâm dân cư	Mỗi 1 trẻ 600 ngàn won

건강한 가정을 위한 정부 지원

● 근로자 가정

지원사업	대상기준	신청장소	비고
태아검진시간 허용	임신 근로자	해당기업 (임금 삭감 없으므로 별도 지원 없음)	임신한 근로자가 정기건강진단을 받는데 필요한 시간 허용
임신기간 근로시간 단축제	임신 12주 이내, 임신 36주 이후 근로자		임금 삭감 없이 1일 2시간 근로시간 단축
출산전후휴가급여	여성 근로자 (휴가 종료일 기준 피보험단위기간 180일 이상)	고용센터	통상임금의 100% 단태아 기준: 대기업 30일 최대 180만원, 중소기업 90일 최대 540만원
유산·사산휴가급여		고용센터	
수유시간 허용	생후 1년 미만의 영아를 가진 여성 근로자	해당 기업 (별도 지원 없음)	1일 2회 각 30분 이상의 유급 수유시간 허용
배우자 출산휴가	배우자가 출산한 남성 근로자	해당 기업 (별도 지원 없음)	3일~5일 (최초 3일은 유급)
육아휴직급여	만 8세 이하 또는 초등학교 2학년 이하의 자녀가 있는 근로자 (휴직 개시일 기준 피보험단위 기간이 180일 이상, 연속 30일 이상 육아휴직자)	첫 3개월: 월 통상 임금의 80% (상한 150만원, 하한 70만원) 나머지 기간(최대 9개월): 월 통상임금의 50% (상한 120만원, 하한 70만원) *고용센터에서 신청	
아빠 육아휴직 보너스제	같은 자녀에 대하여 두 번째 육아휴직 사용자	두 번째 사용자의 육아휴직 첫 3개월: 통상임금의 100%(상한: 250만원) *고용센터에서 신청	
육아기 근로시간 단축제	만 8세 이하 또는 초등학교 2학년 이하의 자녀가 있는 근로자 (단축 개시일 기준 피보험단위기간이 180일 이상, 연속 30일 이상 육아휴직자)	고용센터	주당 15~30시간으로 근로시간 단축 시, 통상임금의 80%를 단축된 근로시간에 비례하여 지원

Hỗ trợ của chính phủ vì một gia đình khỏe mạnh

● Gia đình người lao động

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Cho phép thời gian kiểm tra thai nhi	Người lao động mang thai	Các công ty áp dụng (không cắt giảm lương nên không có hỗ trợ riêng)	Cho phép thời gian cần thiết để người lao động mang thai kiểm tra sức khỏe định kỳ.
Chế độ giảm giờ làm trong thời gian mang thai	Người lao động mang thai trong 12 tuần đầu tiên và sau 36 tuần		Một ngày giảm 2 tiếng làm việc mà không bị trừ lương
Tiền trợ cấp nghỉ trước và sau khi sinh	Lao động nữ (thời hạn nhận bảo hiểm là trên 180 ngày dựa theo tiêu chuẩn ngày kết thúc kỳ nghỉ).	Trung tâm lao động	Lương thông thường 100% Đối vớit hai đơn: Tối đa 1.800.000 won 30 ngày đối với doanh nghiệp lớn, Tối đa 5.400.000 won 90 ngày đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa
Lương nghỉ khi bị sảy thai		Trung tâm lao động	
Cho phép thời gian cho con bú mẹ.	Lao động nữ có con dưới 1 tuổi.	Các công ty áp dụng (không có hỗ trợ riêng).	Cho phép thời gian cho con bú được hưởng lương, 1 ngày 2 lần, mỗi lần trên 30 phút
Kỳ nghỉ của người chồng trong thời kỳ vợ sinh	Lao động nam có vợ sinh con.	Các công ty áp dụng (không có hỗ trợ riêng).	3 ngày ~5 ngày (ban đầu hỗ trợ 3 ngày)
Lương nghỉ để chăm sóc con	Lao động có con dưới 8 tuổi hoặc học dưới lớp 2 ở trường tiểu học (thời gian nhận bảo hiểm là trên 180 ngày dựa theo tiêu chuẩn tính từ ngày bắt đầu nghỉ, người nghỉ phép để chăm con liên tục trên 30 ngày).	3 tháng đầu tiên: 80% tiền lương tháng (tối đa 1.500.000 won, tối thiểu 700.000 won) Những tháng còn lại (tối đa 9 tháng): 50% tiền lương tháng (tối đa 1.200.000 won, tối thiểu 700.000 won) * Đăng ký ở trung tâm lao động	
Chế độ thưởng cho người cha nghỉ phép để chăm con.	Người sử dụng nghỉ phép để chăm con lần thứ hai cho cùng một đứa trẻ.	3 tháng đầu tiên của người nghỉ phép chăm con lần thứ hai: 100% lương thông thường (tối đa 2.500.000 won). * Đăng ký ở trung tâm lao động	
Chế độ rút ngắn giờ làm trong thời kỳ nuôi con	Lao động có con dưới 8 tuổi hoặc học dưới lớp 2 ở trường tiểu học (thời gian nhận bảo hiểm là trên 180 ngày dựa theo tiêu chuẩn tính từ ngày bắt đầu nghỉ, người nghỉ phép để chăm con liên tục trên 30 ngày).	Trung tâm lao động	Trong trường hợp rút ngắn giờ làm việc còn 15 ~ 30 giờ mỗi tuần, hỗ trợ 80% mức lương thông thường tương ứng tỷ lệ với giờ làm việc giảm.

● 다자녀 가정

지원사업	대상기준	신청장소	비고
주거지원	3자녀 이상 무주택 세대주	청약기관	공공분양 10% 이내 민영주택 10% 이내 국민임대 10% 이내
주택구입자금 대출, 전세자금대출 우대금리 적용	3자녀 이상 무주택 세대주	취급은행	0.5% 금리우대
전기요금 30%감면	3자녀 이상 가정	한전고객센터(☎123) 아파트관리사무소 한전 사이버지점 (http://cyber.kepco.co.kr/)	인터넷 신청가능
도시가스 요금감면		관할 도시가스회사, 주민센터	최대 6,000원
국민연금 출산크레딧	2008년 1월 이후 태어난 둘째 이상 자녀를 둔 가정	국민연금공단	자녀의 수에 따라 국민연금 가입기간 추가 (노령연금 청구시)
다자녀 우대카드	2~3자녀 이상 가정	읍·면·동 주민센터 및 위탁은행	

● 신혼 부부가정

지원사업	대상기준	신청장소	비고
주택 특별공급	혼인기간 7년 이내인 무주택, 저소득 신혼가정	청약기관	공공분양 30% 이내 민영주택 20% 이내 국민임대 30% 이내

● 입양 가정

지원사업	대상기준	신청장소	비고
입양수수료 전액 지원	국내입양 아동	시·군·구청	입양특례법에 따른 입양에 한함
입양아동 양육수당 지원	국내입양 아동(16세 미만)	시·군·구청	
장애아동 입양가정 양육 보조금 및 의료비 지원	국내입양 아동 중 장애아동 등 (18세 미만)	시·군·구청	

● 장애 아동 가정

지원사업	대상기준	신청장소	비고
장애아 보육비 전액 지원	보육시설 이용하는 만 12세 이하 장애아	읍·면·동 주민센터	
무상교육지원	만 3세 미만(0~2세) 특수교육대상 영아	지역교육지원청 특수교육지원센터	
의무교육지원	만 3세~5세 특수교육대상 유아		

● Gia đình nhiều con

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Hỗ trợ nhà ở	Trên 3 con Không có nhà Số lượng nhà	Cơ quan đặt cọc	Trong vòng 10% đối với bán nhà công khai Trong vòng 10% đối với nhà ở tư nhân Trong vòng 10% đối với nhà ở cho -thuê dành cho người thu nhập thấp
Áp dụng lãi suất ưu đãi khi vay tiền mua nhà, vay tiền đặt cọc thuê nhà trả một lần.	Trên 3 con Không có nhà Số lượng nhà	Ngân hàng cho vay	Lãi suất ưu đãi 0.5%
Giảm 30% giá điện	Gia đình trên 3 con	Trung tâm khách hàng KEPCO (☎123) Văn phòng quản lý chung cư Chi nhánh KEPCO trực tuyến (http://cyber.kepco.co.kr/)	Có khả năng đăng ký internet
Giảm tiền ga đô thị		Công ty ga đô thị, ủy ban phường trong khu vực	Tối đa 6,000 won
Quỹ trợ cấp sinh đẻ của nhà nước	Gia đình sinh con thứ hai trở lên sau tháng 1 năm 2008	Công ty quỹ bảo hiểm quốc dân	Tùy theo số lượng con cái, mà tăng thêm thời gian gia nhập quỹ bảo hiểm quốc dân. (khi đăng ký lương hưu người cao tuổi)
Thẻ ưu đãi gia đình đông con	Gia đình có trên 2~3 con	Khu-phường-quận Trung tâm người dân và ngân hàng ủy thác	

● Gia đình vợ chồng mới cưới

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Chu cấp nhà ở đặc biệt	Không có nhà trong thời gian 7 năm kết hôn, vợ chồng mới cưới có thu nhập thấp.	Cơ quan đặt cọc	Trong vòng 30% đối với bán nhà công khai Trong vòng 20% đối với nhà ở tư nhân Trong vòng 30% đối với nhà ở cho -thuê dành cho người thu nhập thấp

● Gia đình nhận con nuôi

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Hỗ trợ toàn bộ tiền nhận con nuôi	Trẻ được nhận nuôi trong nước	Ủy ban nhân dân xã phường	Giới hạn việc nhận con nuôi theo luật đặc biệt về nhận con nuôi
Hỗ trợ tiền trợ cấp nuôi dưỡng trẻ được nhận làm con nuôi	Trẻ được nhận nuôi trong nước (dưới 16 tuổi)	Ủy ban nhân dân xã phường	
Hỗ trợ chi phí trợ giúp nuôi dưỡng và chi phí y tế cho gia đình nhận nuôi trẻ bị khuyết tật	Trẻ bị khuyết tật trong số trẻ được nhận nuôi trong nước (dưới 18 tuổi)	Ủy ban nhân dân xã phường	

● Gia đình có trẻ bị khuyết tật

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Hỗ trợ toàn bộ phí dạy dỗ trẻ khuyết tật	Những trẻ khuyết tật dưới 12 tuổi sử dụng thiết bị giáo dục	Trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường	
Hỗ trợ giáo dục miễn phí	Trẻ dưới 3 tuổi (0~2 tuổi) là đối tượng giáo dục đặc biệt	Cơ quan hỗ trợ giáo dục địa phương Trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt	
Hỗ trợ giáo dục bắt buộc	Trẻ từ 3~5 tuổi là đối tượng giáo dục đặc biệt		

건강한 가정을 위한 정부 지원

● 저소득 한부모 가정

지원사업	대상기준	신청장소	비고
한부모가족복지시설 지원	한부모 임산부·아동을 양육하는 한부모 (시설별 상이 – 미혼모자가족복지시설/ 모자가족복지시설/ 부자가족복지시설 등)	한부모가족복지시설 소관 시·군·구청 * 안내 : 한부모 상담전화 (1644-6621)	숙식, 분만의료, 자립지원
미혼모부자 거점기관 출산 및 양육 지원	만 3세 이하의 자녀를 양육하는 미혼모·부 가구 중 기준 중위소득 72% 이하인 가구	전국 17개 거점기관 수행 * 안내 : 읍·면·동 주민센터, 한부모 상담전화(1644-6621)	양육용품 등 지원
아동양육비 지원	기준 중위소득 52%이하의 한부모가구의 만 18세 미만 아동 *청소년한부모 (만 24세 이하의 미혼모·부)인 경우에는 기준 중위소득 60%이하	읍·면·동 주민센터, 복지로 홈페이지 * 안내 : 한부모 상담전화 (1644-6621)	월 20만원/인 *청소년한부모(부 또는 모가 만 24세 이하)인 경우에는 월 35만원/인
아이돌봄 지원	생후 3개월~만12세 이하 자녀를 둔 가정 중 취업 한부모, 맞벌이, 다자녀 등 양육공백 발생 가정 (전액 본인부담으로도 이용 가능)	아이돌봄 홈페이지 (idolbom.go.kr) * 정부지원이 필요한 경우 읍·면·동 주민센터	대표번호 1577-2514
추가아동양육비 지원	조손가족 및 만 25세 이상 미혼한부모가족의 만5세 이하 자녀 (기준 중위소득 52%이하)	읍·면·동 주민센터, 복지로 홈페이지 * 안내 : 한부모 상담전화 (1644-6621)	월 5만원/인
초중고 학생 교육비 지원(고교학비, 방과후 자유수강권, 급식비, 교육정보화 지원)	시도교육청별·항목별로 다르나, 통상 기준 중위소득 50~60% 이하 저소득층 가구	읍면동 주민센터 교육비 원클릭신청 시스템 (oneclick.moe.go.kr) 복지로 홈페이지 (www.bokjiro.go.kr)	교육비 중앙상담센터 1544-9654
교육급여	기준 중위소득 50% 이하 가구 초중고 학생	읍면동 주민센터 복지로홈페이지 (www.bokjiro.go.kr)	초 203천원/ 중·고 290천원 *지원항목: (초·중·고) 학용품비, 부교재비, (고)교과서대, 입학금, 수업료 실비 전액 납부금 감면

Hỗ trợ của chính phủ vì một gia đình khỏe mạnh

● Gia đình đơn thân thu nhập thấp

Chương trình hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Nơi đăng ký	Ghi chú
Hỗ trợ cơ sở vật chất phúc lợi cho gia đình bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con	Mẹ đơn thân mang thai - Bố mẹ đơn thân đang nuôi dưỡng trẻ nhỏ (Sự khác nhau giữa cơ sở vật chất - cơ sở phúc lợi xã hội cho mẹ độc thân và trẻ em / công trình phúc lợi cho mẹ và trẻ em / công trình phúc lợi cho cha và trẻ em vv)	Cơ sở vật chất phúc lợi cho gia đình bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con thuộc ủy ban nhân dân thành phố, quận, huyện * Hướng dẫn: điện thoại tư vấn cho trường hợp bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con (1644-6621)	Hỗ trợ chỗ ăn ở, điều kiện y tế khi sinh nở, việc tự lập
Trẻ thuộc gia đình bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con Cơ quan cứ điểm Hỗ trợ sinh nở và nuôi dưỡng con cái	Gia đình bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con dưới 3 tuổi, có mức thu nhập dưới 72% so với mức thu nhập trung bình tiêu chuẩn	Toàn quốc có 17 cơ quan cứ điểm đang thực hiện chương trình hỗ trợ * Hướng dẫn: Trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường, điện thoại tư vấn cho trường hợp bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con (1644-6621)	Hỗ trợ vật dụng nuôi dưỡng trẻ ...
Hỗ trợ chi phí chăm sóc trẻ	Trẻ dưới 18 tuổi có bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con, có thu nhập dưới 52% so với mức thu nhập trung bình tiêu chuẩn * Trường hợp (cha/mẹ đơn thân dưới 24 tuổi) có thu nhập dưới 60% thu nhập trung bình tiêu chuẩn	Trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường, trang web của Bộ y tế phúc lợi * Hướng dẫn: điện thoại tư vấn cho trường hợp bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con (1644-6621)	Hỗ trợ 350.000 won/tháng/ người cho trường hợp cha mẹ thanh thiếu niên (cha hoặc mẹ dưới 24 tuổi)
Hỗ trợ chăm sóc trẻ	Trong số gia đình có trẻ từ 3 tháng tuổi~dưới 12 tháng tuổi, do có bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con đi làm, hoặc bố mẹ cùng đi làm, hoặc gia đình có nhiều con....nhưng không có thời gian chăm sóc con (có thể sử dụng dịch vụ cho dù tự chi trả chi phí)	Trang web chăm sóc trẻ (idolbom.go.kr) * Liên lạc đến trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường	Số điện thoại đại diện 1577-2514
Hỗ trợ chi phí chăm sóc trẻ bổ sung	Gia đình nuôi cháu hoặc cha mẹ đơn thân trên 25 tuổi đang nuôi con dưới 5 tuổi (thu nhập dưới 52% thu nhập trung bình tiêu chuẩn)	Trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường, trang web của Bộ y tế phúc lợi * Hướng dẫn: điện thoại tư vấn cho trường hợp bố hoặc mẹ đơn thân nuôi con (1644-6621)	50.000 Won 1 tháng/ trẻ
Hỗ trợ chi phí giáo dục cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (học phí trường cấp 3, nghe giảng tự do trong giờ học thêm sau giờ học chính thức, chi phí ăn uống, hỗ trợ thông tin hóa giáo dục).	Có thể có sự khác biệt tùy theo Sở giáo dục ở mỗi tỉnh-mỗi hạng mục, tuy nhiên tiêu chuẩn thông thường là hộ gia đình thuộc tầng lớp thu nhập thấp dưới 50~60% thu nhập trung bình tiêu chuẩn.	Hệ thống đăng ký trực tuyến chi phí giáo dục ở Ủy ban nhân dân của ấp, xã, phường (oneclick.moe.go.kr). Trang web của cơ quan phúc lợi (www.bokjiro.go.kr)	Trung tâm tư vấn trung ương về chi phí giáo dục 1544-9654
Phụ cấp giáo dục	Học sinh tiểu học-trung học cơ sở-trung học phổ thông thuộc gia đình có thu nhập trên 50% thu nhập trung bình tiêu chuẩn.	Trung tâm địa phương ở ấp, xã, phường, trang web của Bộ y tế phúc lợi (www.bokjiro.go.kr)	Các loại hỗ trợ: phí dụng cụ học tập (tiểu học, cấp 2, cấp 3), phí giáo trình phụ, tiền mua sách giáo khoa (cấp 3), phí nhập học, giảm toàn bộ các chi phí bài giảng)

장애 영·유아 특수교육 지원 안내

장애 및 장애가 의심되는 자녀가 있을 경우, 지역교육지원청의 특수교육지원센터를 통해 특수교육 및 관련서비스 지원을 받을 수 있습니다.

– 특수교육센터에서 진단·평가를 통해 특수교육대상자로 선정되면 3세 미만(0~2세) 영아는 무상교육, 만 3세~5세 유아는 의무교육을 제공 받게 됩니다.

※ 장애등록 된 영유아도 특수교육대상자로 선정되어야만 특수교육 및 관련서비스 지원을 받을 수 있음

※ 특수교육대상자란 장애인 복지카드 발급 유무에 관계없이 「장애인 등에 대한 특수교육법」 제15조에 따라 특수교육을 필요로 하는 사람으로 선정된 사람

♥ 신청절차

– 신청대상 : 장애가 의심되거나 장애등록된 영·유아

– 절차 : 교육지원청의 특수교육지원센터로 신청

1. 신청	2. 진단·평가	3. 특수교육대상 영·유아 선정	4. 선정·배치 결과 통보
지역교육지원청의 특수교육지원센터로 신청	•특수교육지원센터에서 **진단·평가** 실시 –부모 등 보호자의 의견진술 기회 보장	특수교육운영위원회에서 특수교육대상 영·유아 **선정 및 배치**	특수교육대상자 선정 여부를 보호자에게 **서면 통지**

– 지원내용

● 만 3세 미만(0~2세) 특수교육대상 영아 : 무상교육

● 만 3세~5세 특수교육대상 유아 : 의무교육

♥ 자세한 사항은 지역교육지원청의 특수교육지원센터로 문의하시기 바랍니다.

♥ 장애자녀 부모지원 종합시스템

http://www.nise.go.kr/onmam ☎ 041-537-1500

Hướng dẫn hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật

Trường hợp gia đình có trẻ bị khuyết tật hoặc nghi ngờ trẻ có khuyết tật, có thể nhận được hỗ trợ về giáo dục đặc biệt và dịch vụ liên quan thông qua trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt của cơ quan hỗ trợ giáo dục địa phương.

- Nếu được lựa chọn là đối tượng giáo dục đặc biệt thông qua việc chẩn đoán và đánh giá ở trung tâm giáo dục đặc biệt, đối với trẻ dưới 3 tuổi (0~2 tuổi) sẽ nhận được giáo dục miễn phí, đối với trẻ từ 3~5 tuổi sẽ nhận được giáo dục bắt buộc.

※ Trẻ đã đăng ký khuyết tật phải được lựa chọn là đối tượng giáo dục đặc biệt, thì mới nhận được hỗ trợ giáo dục đặc biệt và các dịch vụ liên quan.

※ ĐĐối tượng giáo dục đặc biệt là người được lựa chọn là đối tượng cần nhận được giáo dục đặc biệt theo điều 15 của「Luật giáo dục đặc biệt dành cho người khuyết tật...」mà không liên quan đến việc có được cấp thẻ phúc lợi dành cho người khuyết tật hay không.

♥ Thủ tục đăng ký

- Đối tượng đăng ký: Trẻ nghi ngờ có khuyết tật hoặc trẻ đã được đăng ký là khuyết tật.

- Thủ tục: Đăng ký ở trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt của cơ quan hỗ trợ giáo dục.

1. Đăng ký	2. Chuẩn đoán - Đánh giá	3. Lựa chọn trẻ là đối tượng giáo dục đặc biệt	4. Thông báo kết quả lựa chọn và bố trí
Đăng ký ở trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt của cơ quan hỗ trợ giáo dục	• Thực hiện việc Chuẩn đoán - đánh giá ở trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt - Bảo đảm cơ hội trình bày quan điểm cho người giám hộ như cha mẹ...	Lựa chọn và bố trí trẻ là đối tượng giáo dục đặc biệt tại ủy ban điều hành giáo dục đặc biệt.	Thông báo bằng văn bản cho người giám hộ về việc có được lựa chọn là đối tượng giáo dục đặc biệt hay không.

- Nội dung hỗ trợ

- Trẻ dưới 3 tuổi (0~2 tuổi) là đối tượng giáo dục đặc biệt: giáo dục miễn phí
- Trẻ từ 3~5 tuổi là đối tượng giáo dục đặc biệt: giáo dục bắt buộc

♥ Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ đến trung tâm hỗ trợ giáo dục đặc biệt của cơ quan hỗ trợ giáo dục địa phương.

♥ Hệ thống hỗ trợ tổng hợp cha mẹ có con khuyết tật

http://www.nise.go.kr/onmam ☎ +82-41-537-1500

난임·우울증상담센터 사업안내

건강한 마음, 행복한 가정

♣ 사업 소개

난임·우울증상담센터는 임신 준비기부터 산전·후 및 육아기에 이르기까지 정서적 안정을 위해 정부가 지원하는 상담 사업입니다. 난임 부부, 임산부 및 양육모를 위하여 심리상담, 방문상담, 자조모임 등 다양한 상담프로그램을 운영하고 있습니다.

♣ 상담 안내

구 분		내 용
대 상		난임 부부, 임산부 및 양육모
상담문의 및 상담예약		www.nmc22762276.or.kr 또는 센터 전화
상담종류		면담 (개인상담 또는 부부상담)
상담유형	내 소	대상자나 가족 등이 직접 센터로 방문하여 대면상담
	방 문	대상자가 내소하기 어려운 경우, 내담자의 거주지나 시설, 연계기관 등 방문하여 상담
상담사		정신건강전문요원, 사회복지사, 임상심리사, 간호사
상담시간		(평일) 월~금 09 : 00 ~ 17 : 00

※ 모든 상담은 예약제이며 무료로 운영됩니다.

♣ 난임·우울증 상담센터 기관 안내

구 분	운영기관	주 소	대표전화
중 앙	국립중앙의료원	서울특별시 중구 을지로 245 국립중앙의료원 본관 2층	02-2276-2276
인천권역	가천대 길병원	인천광역시 남동구 남동대로 765번지 8 가천대 길병원 여성센터 1층	032-460-3269
대구권역	경북대학교병원	대구광역시 중구 달구벌대로 2167 을화빌딩 7층	053-261-3375
전남권역	현대여성아동병원	전라남도 순천시 장선배기 1길 8(조례동) 현대여성아동병원 3층	061-901-1234

Hướng dẫn dự án Trung tâm tư vấn vô sinh và trầm cảm

건강한 마음, 행복한 가정

♣ Giới thiệu dự án

Trung tâm tư vấn vô sinh và trầm cảm đang điều hành chương trình tư vấn do chính phủ tài trợ để ổn định cảm xúc từ trước khi mang thai, trước khi sinh, sau khi sinh cho đến giai đoạn chăm sóc trẻ. Đối với các cặp vợ chồng vô sinh, phụ nữ mang thai và cho con bú, Trung tâm cung cấp các chương trình tư vấn khác nhau như tư vấn tâm lý, tư vấn thăm khám và các cuộc gặp gỡ để tự giúp đỡ chính mình.

♣ Hướng dẫn tư vấn

Phân loại		Nội dung
Đối tượng		Vợ chồng hiếm muộn, phụ nữ mang thai, sản phụ và bà mẹ nuôi con
Thắc mắc về tư vấn và đặt hẹn tư vấn		www.nmc22762276.or.kr hoặc gọi điện thoại đến trung tâm
Loại tư vấn		Trò chuyện (tư vấn cá nhân hoặc tư vấn cặp vợ chồng)
Loại hình tư vấn	Trong trung tâm	Người thuộc đối tượng hoặc gia đình trực tiếp đến trung tâm để được tư vấn
	Đến tư vấn	Trường hợp người thuộc đối tượng khó đến trung tâm thì nhân viên tư vấn đến nơi ở của người xin tư vấn hoặc một cơ sở hay cơ quan kết nối để tư vấn
Nhân viên tư vấn		Chuyên viên sức khỏe tâm thần, nhân viên phúc lợi xã hội, nhân viên tâm lý lâm sàng, y tá
Thời gian tư vấn		(Ngày thường) Thứ 2~6 09:00 ~ 17:00

※ Mọi tư vấn đều phải đặt lịch hẹn trước và được tiến hành miễn phí.

♣ Hướng dẫn các Trung tâm tư vấn vô sinh và trầm cảm của từng khu vực

Phân loại	Cơ quan vận hành	Địa chỉ	Số điện thoại đại diện
Trung ương	Viện y tế Trung ương Quốc gia	Tầng 2 Tòa nhà chính Viện y tế Trung ương Quốc gia 245 Euiji-ro, Jung-gu, Seoul	+82-2-2276-2276
Khu vực Incheon	Bệnh viện Gil Trường đại học Gacheon	Tầng 1 Trung tâm Phụ nữ Bệnh viện Gil Trường đại học Gacheon 765beonji 8, Namdongdae-ro, Namdong-gu, Incheon-si	+82-32-460-3269
Khu vực Daegu	Bệnh viện Trường đại Gyeongbuk	Tầng 7 Eulhwa Building 2176 Dalgubeoldae-ro, Jung-gu, Daegu-si	+82-53-261-3375
Khu vực Jeonnam	Bệnh viện phụ nữ nhi đồng Hyundai	Tầng 3 Bệnh viện phụ nữ nhi đồng Hyundai Jangseonbaegi 1gil 8 (Jorye-dong), Suncheon-si, Jeollanam-do	+82-61-901-1234

고위험 산모 신생아 통합치료센터(MFICU) 현황

2019년 4월 기준

번호	권역	병원명	주소	전화번호
1	서울	삼성서울병원	서울 강남구 일원로 81	02-3410-2114
2		서울대병원	서울 종로구 대학로 101	1588-5700
3		고려대 안암병원	서울 성북구 고려대로 73	1577-0083
4		고려대 구로병원	서울 구로구 구로동로 148	1577-9966
5	경기	분당서울대병원	경기 성남시 분당구 구미로173번길 82	1588-3369
6		국민건강보험공단 일산병원	경기 고양시 일산동구 일산로 100	031-900-0114
7		고려대 안산병원	경기 안산시 단원구 적금로 123	1577-7516
8		아주대병원	경기 수원시 영통구 월드컵로 164	1688-6114
9	인천	가천대 길병원	인천 남동구 남동대로 774번길 21	1577-2299
10	강원	강원대병원	강원 춘천시 백령로 156	033-258-2000
11	충북	충북대병원	충북 청주시 서원구 1순환로 776	043-269-6114
12	충남	충남대병원	대전광역시 중구 문화로 282 충남대학교병원	1599-7123
13	전북	전북대병원	전북 전주시 덕진구 건지로 20	063-250-1114
14	전남	전남대병원	광주 동구 제봉로 42	1899-0000
15	경북	계명대 동산병원	대구광역시 달서구 호산동 산2-1	1577-6622
16		칠곡경북대병원	대구광역시 북구 호국로 807	053-200-2114
17	경남	인제대부산백병원	부산광역시 부산진구 복지로 75	051-890-6114
18		양산부산대병원	경상남도 양산시 물금읍 금오로 20 양산부산대학교병원	1577-7512
19		경상대병원	경상남도 진주시 강남로 79	055-750-8000

Thông tin về Trung tâm điều trị tổng hợp sản phụ và trẻ sơ sinh có nguy cơ cao (NFICU)

Tính đến tháng 4 năm 2019

No.	Khu vực	Tên bệnh viện	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Seoul	Bệnh viện Samsung Seoul	81 Ilwon-ro, Gangnam-gu, Seoul	+82-2-3410-2114
2		Bệnh viện Trường đại học Seoul	101 Daehak-ro, Jongno-gu, Seoul	1588-5700
3		Bệnh viện Anam Trường đại học Korea	73 Koreadae-ro, Seongbuk-gu, Seoul	1577-0083
4		Bệnh viện Guro Trường đại học Korea	148 Gurodong-ro, Guro-gu, Seoul	1577-9966
5	Gyeonggi	Bệnh viện Trường đại học Seoul Bundang	173beongil 82, Gumi-ro, Seongnam-si, Gyeonggi-do	1588-3369
6		Bệnh viện Ilsan Tập đoàn bảo hiểm y tế quốc dân	100 Ilsan-ro, Ilsandong-gu, Gyeonggi-do	+82-31-900-0114
7		Bệnh viện Ansan Trường đại học Korea	123 Jeokgeum-ro, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-do	1577-7516
8		Bệnh viện Trường đại học Aju	164 Worldcup-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do	1688-6114
9	Incheon	Bệnh viện Gil Trường đại học Gacheon	774 beongil 21, Namdongdae-ro, Namdong-gu, Incheon-si	1577-2299
10	Gangwon	Bệnh viện Trường đại học Gangwon	156 Baekryeong-ro, Chuncheon-si, Gangwon-do	+82-33-258-2000
11	Chungbuk	Bệnh viện Trường đại học Chungbuk	776 1Sunhwan-ro, Seowon-gu, Cheongju-si, Chungbuk	+82-43-269-6114
12	Chungnam	Bệnh viện Trường đại học Chungnam	Bệnh viện Trường đại học Chungnam 282 Munhwa-ro, Jung-gu, Daejeon-si	1599-7123
13	Jeonbuk	Bệnh viện Trường đại học Jeonbuk	20 Geonji-ro, Deokjin-gu, Jeonju-si, Jeonbuk	+82-63-250-1114
14	Jeonnam	Bệnh viện Trường đại học Jeonnam	42 Jebong-ro, Dong-gu, Gwangju	1899-0000
15	Gyeongbuk	Bệnh viện Dongsan Trường đại học Gyemyeong	San 2-1 Hosan-dong, Dalseo-gu, Daegu-si	1577-6622
16		Bệnh viện Trường đại học Chilgok Gyeongbuk	807 Hoguk-ro, Buk-gu, Daegu-si	+82-53-200-2114
17	Gyeongnam	Bệnh viện Baek Busan Trường đại học Inje	75 Bokji-ro, Busanjin-gu, Busan-si	+82-51-890-6114
18		Bệnh viện Trường đại học Busan Yangsan	Bệnh viện Trường đại học Busan Yangsan 20 Geumo-ro, Mulgeum-eup, Yangsan-si, Gyeongsangnam-do	1577-7512
19		Bệnh viện Trường đại học Gyeongsang	79 Gangnam-ro, Jinju-si, Gyeongsangnam-do	+82-55-750-8000

권역응급의료센터 현황

기관명	지역	기관주소(도로명)
고려대학교 안암병원	서울	서울특별시 성북구 인촌로 73 (안암동5가)
고려대학교 구로병원	서울	서울특별시 구로구 구로동로 148 (구로동)
서울대학교병원	서울	서울특별시 종로구 대학로 101 (연건동)
한양대학교병원	서울	서울특별시 성동구 왕십리로 222-1 (사근동)
이화여자대학교 목동병원	서울	서울특별시 양천구 안양천로 1071 (목동)
동아대학교병원	부산	부산광역시 서구 대신공원로 26 (동대신동3가)
부산대학교병원	부산	부산광역시 서구 구덕로 179 (아미동1가)
경북대학교병원	대구	대구광역시 중구 동덕로 130 (삼덕동2가, 경북대학교병원)
길병원	인천	인천광역시 남동구 남동대로774번길 21 (구월동, 가천대학교길병원)
인하대학교병원	인천	인천광역시 중구 인항로 27 (신흥동3가)
전남대학교병원	광주	광주광역시 동구 제봉로 42 (학동)
조선대학교병원	광주	광주광역시 동구 필문대로 365 (서석동)
충남대학교병원	대전	대전광역시 중구 문화로 282 (대사동, 충남대학교병원)
건양대학교병원	대전	대전광역시 서구 관저동로 158 (가수원동, 건양대학교부속병원)
울산대학교병원	울산	울산광역시 동구 방어진순환도로 877 (전하동)
순천향대학교 부천병원	경기	경기도 부천시 조마루로 170 (중동)
아주대학교병원	경기	경기도 수원시 영통구 월드컵로 164 (원천동)
한림대학교 성심병원	경기	경기도 안양시 동안구 관평로170번길 22 (평촌동)
가톨릭대학교 의정부성모병원	경기	경기도 의정부시 천보로 271 (금오동)

Tình hình trung tâm y tế cấp cứu ở các khu vực

Tên cơ quan	Khu vực	Địa chỉ cơ quan (tên đường)
Bệnh viện Anam của trường đại học Korea	Seoul	Số 73, Inchon-ro, Seongbok-gu, thành phố Seoul (Anam dong 5 ga)
Bệnh viện Guro của trường đại học Korea	Seoul	Số 148, Gurodong-ro, Guro-gu, thành phố Seoul (Guro dong)
Bệnh viện Đại học Quốc gia Seoul	Seoul	101, Daehak-ro, Jungno-gu, Seoul (Yeongeon-dong)
Bệnh viện trường đại học Hanyang	Seoul	Số 222-1, Hwangsipri-ro, Seongdong-gu, thành phố Seoul (Sageun dong)
Bệnh viện Mokdong của trường đại học nữ Ehwa	Seoul	Số 1071, Anyangcheon-ro, Yancheon-gu, thành phố Seoul (Mok dong)
Bệnh viện trường đại học Donga	Busan	Số 26, Daesin Gongwon-ro, Seo-gu, thành phố Busan (Dongdaesin dong 3 ga)
Bệnh viện trường đại học Busan	Busan	Số 179, Gudeok-ro, Seo-gu, thành phố Busan (Ami dong 1 ga)
Bệnh viện Đại học Quốc gia Kyungpook	Daegu	130, Dongdeok-ro, Daegu (Bệnh viện Đại học Quốc gia Kyungpook, Samdeok-dong 2-ga)
Bệnh viện Gil	Incheon	Số 21, Namdong daero 774 beon-gil, Namdong-gu, thành phố Incheon (Guwol dong, bệnh viện Gil của trường đại học Gachon)
Bệnh viện trường đại học Inha	Incheon	Số 27, Inhang-ro, Jung-gu, thành phố Incheon (Sinhung-dong 3 ga)
Bệnh viện Đại học Quốc gia Chonnam	Gwuangju	42, Jebong-ro, Dong-gu, Gwangju (Hak-dong)
Bệnh viện trường đại học Choseon	Gwuangju	Số 365, Pilmun-daero, Dong-gu, thành phố Gwangju (Seoseok-dong)
Bệnh viện trường đại học Chungnam	Daejeon	Số 282, Munhwa-ro, Jung-gu, thành phố Daejeon (Daesa-dong, Bệnh viện trường đại học Chungnam)
Bệnh viện trường đại học Konyang	Daejeon	Số 158, Gwanjeodong-ro, Seo-gu, thành phố Daejeon (Gasuwon-dong, Bệnh viện trực thuộc trường đại học Konyang)
Bệnh viện trường đại học Ulsan	Ulsan	Số 877, Bangeojinsunhwando-ro, Dong-gu, thành phố Ulsan (Jeonha-dong)
Bệnh viện Bucheon của trường đại học Soonchunhyang	Gyeonggi	Số 170, Jomaru-ro, thành phố Bucheon, Gyeongi-do (Jung-dong)
Bệnh viện Đại học Ajou	Gyeonggi	164, World Cup-ro, Yeongtong-gu, Suwon, Gyeonggi-do (Woncheon-dong)
Bệnh viện Seongsim của trường đại học Hallym	Gyeonggi	Số 22, Gwanpyeong-ro 170 Beon-gil, Dongan-gu, Anyang-si, Gyeonggi-do (Pyeongchon-dong)
Bệnh viện St. Mary Uijeongbu Đại học Công giáo Hàn Quốc	Gyeonggi	271, Cheonbo-ro, Uijeongbu, Gyeonggi-do (Geumo-dong)

기관명	지역	기관주소(도로명)
분당서울대학교병원	경기	경기도 성남시 분당구 구미로173번길 82 (구미동, 분당서울대학교병원)
명지병원	경기	경기도 고양시 덕양구 화수로14번길 55 (화정동)
분당차병원	경기	경기도 성남시 분당구 야탑로 59 (야탑동)
강릉아산병원	강원	강원도 강릉시 사천면 방동길 38
연세대학교 원주 세브란스기독병원	강원	강원도 일산로 20
한림대학교 춘천성심병원	강원	강원도 춘천시 삭주로 77 (교동)
충북대학교병원	충북	충청북도 청주시 서원구 1순환로 776 (개신동)
단국대학교병원	충남	충청남도 천안시 동남구 망향로 201 안서동, 단국대학교의과대학부속병원
전북대학교병원	전북	전라북도 전주시 덕진구 건지로 20 (금암동)
목포한국병원	전남	전라남도 목포시 영산로 483 (상동)
성가롤로병원	전남	전라남도 순천시 순광로 221 (조례동)
안동병원	경북	경상북도 안동시 앙실로 11 (수상동)
구미차병원	경북	경상북도 구미시 신시로10길 12 (형곡동)
포항성모병원	경북	경상북도 포항시 남구 대잠동길 17
양산부산대학교병원	경남	경상남도 양산시 물금읍 금오로 20
성균관대학 삼성창원병원	경남	경상남도 창원시 마산회원구 팔용로 158
제주한라병원	제주	제주특별자치도 제주시 도령로 65, (연동)

Tên cơ quan	Khu vực	Địa chỉ cơ quan (tên đường)
Bệnh viện Bundang của trường đại học Seoul	Gyeonggi	Số 82, Gumi-ro 173 Beon-gil, Bungdang-gu, thành phố Seongnam, Gyeonggi-do (Gumi-dong, Bệnh viện trường đại học Seoul Bundang)
Bệnh viện Myongchi	Gyeonggi	Số 55, Hwasu-ro 14 Beon-gil, Deokyang-gu, thành phố Goyang, Gyeonggi-do (Hwajung-dong)
Bệnh viện Cha Bungdang	Gyeonggi	Số 59, Yatap-ro, Bungdang-gu, thành phố Seongnam, Gyeonggi-do (Yatap-dong)
Bệnh viện Asan Gangneung	Gangwon	38, Bangdong-gil, Sacheon-myeon, Gangneung, tỉnh Gangwon-do
Bệnh viện Wonju Severance Christian của trường đại học Yonsei	Gangwon	Số 20, Ilsan-ro. Gangwon-do
Bệnh viện Seongsim Chuncheon của trường đại học Hallym	Gangwon	Số 77, Sakju-ro, thành phố Chuncheon, Gangwon-do (Kyo-dong)
Bệnh viện Đại học Quốc gia Chungbuk	Chungbuk	776, 1 Sunhuanro, Heungduk-gu, Cheongju, Chungcheongbuk-do (Gaesin-dong)
Bệnh viện trường đại học Dankook	Chungnam	Số 201, Manghyang-ro, Dongnam-gu, thành phố Cheonan, Chungcheongnam-do (Anseo-dong, Bệnh viện trực thuộc trường đại học y khoa của trường đại học Dankook)
Bệnh viện Đại học Quốc gia Chonbuk	Jeonbuk	20, Geonji-ro, Deokjin-gu, Jeonju, Jeollabuk-do (Geumam-dong)
Bệnh viện Mokpo Hankook	Jeonnam	483, Yeongsan-ro, Mokpo, Jeollanam-do
Bệnh viện St.Carollo	Jeonnam	Số 221, Sungwang-ro, thành phố Suncheon, Jeollanam-do (Jorye-dong)
Bệnh viện Andong	Gyeongbuk	Số 11, Angsil-ro, thành phố Andong, Gyeongsangbuk-do (Susang-dong)
Bệnh viện Cha Gumi	Gyeongbuk	Số 12, Sinsi-ro 10 gil, thành phố Gumi, Gyeongsangbuk-do (Hyeonggok-dong)
Bệnh viện Pohang St.Mary's	Gyeongbuk	Số 17, Daejam-dong gil, Nam-gu, thành phố Pohang, Gyeongsangbuk-do
Bệnh viện trường đại học Busan tại thành phố Yangsan	Gyeongnam	Số 20, Geumo-ro, Mulgeum-eup, thành phố Yangsan, Gyeongsangnam-do
Bệnh viện Samsung Changwon của trường đại học Sungkyunkwan	Gyeongnam	Số 158, Palyong-ro, MasanHoiwon-gu, thành phố Changwon, Gyeongsangnam-do
Bệnh viện đa khoa Cheju Halla	Jeju	65, Doryeong-ro, Jeju (Yeon-dong)



강아지는 멍멍
고양이는 야옹야옹
누렁소는 음메에-
뒤뚱 오리는 꽥꽥-

동물친구의 인사법
반갑게 손 흔들면 맨질맨질 반짝이는 눈으로 가만 들여다보지요.
그 눈에는 하늘이 있고 파도가 출렁여요
구름이 둥둥 흐르고 별빛이 반짝이죠.

단지 너는 멍멍
그리고 야옹야옹
음메에- 말하고 꽥꽥 걷고 있을 뿐

동물친구들과 인사해요.
안녕, 하늘
그리고 바다, 구름과 별빛

가만 그 눈을 들여다보며 떠올려요
다를 뿐 틀리지 않다는 사실

이제부터 너를 만날땐
멍멍, 그리고 야옹야옹

오리가 바람결에 살짝 속삭여 주었어요.
하루가 가고 내일이 오면
좁았던 마음이 자라는 만큼 키가 자란다고.